

## Tác Giả và Tác Phẩm

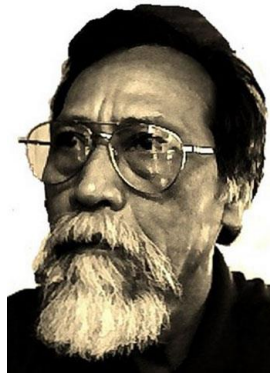
### Ngô Phan Lưu

#### Tiểu sử

Sinh năm 1946, Phú Yên. Trước ở Tuy Hòa, Phú Yên. Hiện đang định cư ở San Jose.

#### Tác phẩm

Bếp lửa chiều đông (tập thơ, 1997), Người không giảng câu Kiều (tập truyện, 2004)  
Giải Nhất truyện ngắn với hai tác phẩm Buổi sáng biển mất và Cơm chiều.



#### Mục Lục

Vài hàng về tác giả - 2
Buổi sáng biển mất – 3
Gấu chuyện cùng Ngô Phan Lưu - Vương Tâm - 5
Cơm chiều - 8
Đam mê sống và đam mê suy nghĩ nhiều hơn lúc trẻ - Thu Huyền – 11
Thợ hớt tóc đường Bà Triệu – 14
Tôi cầm bút khi đã mỏi tay cày – Tuổi Trẻ - 17
Làng quê thì mệnh mông - 18
Nhà văn Ngô Phan Lưu không bao giờ tuyệt vọng – Dương Tử Thành – 28

#### Phụ đính:

Trên cánh bay của chuông chùa - Một thoáng trưa hè - Vẫn vợ trên khóm...  
Các cụ Rùa đội bia Tiến sĩ - Trà sớm - Đàn bò câu mát dần  
Cái làn chị xách trên tay - Diên diên còn mệt hơn diên - Con kỳ nhông nhựa

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

## Vài hàng về tác giả



Ngô Phan Lưu sinh năm 1946. Quê Phú Yên.  
Đang là sinh viên khoa Triết, Đại học Văn khoa Sài Gòn  
thì Ngô Phan Lưu bị động viên đi trừ bị Thủ Đức.  
Sau năm 1975, ông sống bằng nghề làm ruộng và nhiếp ảnh  
ở Phú Yên. Bắt đầu viết văn từ năm 1995.

### **Các bài liên quan**

- 7 truyện ngắn
- Buổi sáng biển mát
- Tôi cầm bút khi đã mỏi tay cày
- Ngô Phan Lưu: Chỉ là đôi điều
- Ông Ba Lưu viết văn
- Một phong cách hiện đại
- Vài ý nghĩ về lối viết truyện ngắn của Ngô Phan Lưu
- Truyện ngắn báo Văn nghệ: Phong phú giọng điệu

\*\*\*

## Buổi sáng biến mất

Xóm Ao hiện có hai người bệnh trầm trọng. Rất nặng. Nặng đến mức, giờ đây cái chết nhẹ ngang bằng hơi thở. Đó là chú Khiêu chồng thím Xanh. Đó là bà Mền vợ lão Sùng. Cả hai đã là trái banh trong chân đội banh Nhà Thương. Đội banh ấy đã cố gắng chuyền nhau, không cho lọt vào “gôn” Tử Thần, nhưng đều thất bại, để trái banh bị lủng, và cũng vì đá quá, cuối cùng xẹp hơi... Ruộng rẫy, bò trâu đã bán sạch. Gia đình họ đang trên bờ vực thẳm... Chú Khiêu ung thư gan thời kỳ chót ! Bà Mền ung thư phổi thời kỳ chót ! Chờ chết !

Tổng quát, tình hình là như vậy, bi thảm là vậy. Đó là lý do sáng nay, Thuý đưa hai túi ny lông đựng cam sành và sữa hộp cho Thuấn :

- Anh đi thăm họ nhanh lên... Chần chừ sẽ không kịp thăm !
- Họ ăn được gì mà cam với sữa. Tiền tốt hơn.
- Họ ăn bằng mắt.

Thuấn nín lặng trước câu nói của vợ. Phải ! Người sắp chết không ăn gì, nhưng phải có đồ ăn để thấy ! Thuấn xách hai túi cam, sữa, vội vàng ra khỏi nhà, quyết định đến chú Khiêu trước. Anh bước nhanh, tâm trạng bồng bềnh...

Vừa bước chân lên thềm nhà, Thuấn đằng hắng mấy cái... Thấy Thuấn, thím Xanh lật đật bỏ cái thúng đan dở, đứng dậy thoăn thoắt ra cửa, xìa tay đỡ cả hai túi cam và sữa, đặt lên chiếc bàn gỗ tạp xiêu vẹo nơi hiên, miệng phát tia lia như súng liên thanh khạc đạn :

- Chú mày cứ đòi chết, đòi chết, đòi chết... ăn được gì mà mua nhiều thế này, thế này... Cứ đòi chết, đòi chết... không thèm sống, không muốn sống... Cứ đòi chết...

Xổ xong tràng âm thanh khoẻ mạnh ấy, thím nhanh nhẹn chuyển hai túi quà vào đặt trên bàn thờ tổ tiên, đoạn trở lại nơi góc phòng, đan tiếp cái thúng dở dang, dường như Thuấn không có mặt ở đây, bình thản đến lạnh lùng. Thuấn chưa kịp mở miệng nói gì được. Gặp thím là anh câm luôn ! Chú Khiêu được đặt nằm trên chiếc chõng tre sát cửa sổ không cánh, trông thật hoang vu. Da chú màu vàng pha xanh như màu trái bưởi non. Có mấy chiếc lá vàng bị gió quạt bay vào đậu trên ngực chú. Anh kéo chiếc ghế đầu vuông nhỏ, ngồi cạnh giường. Vừa nhặt mấy chiếc lá trên ngực chú quăng ra ngoài, vừa nói động viên :

- Chú lạc quan lên, coi nào ! Cứ đòi chết, đòi chết... chết thật đấy ! Cái chết mà bực lên nó không tha ai đâu!

Chú Khiêu nhăn nhó, miệng móm riết, nói đứt quãng :

- Sống mà đòi chết là... người ngu ! Sắp chết mà đòi sống... lại càng ngu hơn ! Chú không phải người ngu !

Thuấn sững sờ nhìn chằm chằm chú Khiêu. Dường như đằng sau lưng câu nói của chú là một khoảng mệnh mỏng cay đắng. Mà cũng dường như câu nói ấy không phải nói với anh, nó dường như một tảng băng trôi về hướng thím Xanh đang ngồi thản nhiên đan thúng. Khuôn mặt vàng pha xanh hốc hác, đôi mắt lõm sâu không nhìn ai cả của chú Khiêu khiến anh nao lòng. Đôi mắt nhìn vào bên trong, thấy sự tan tành một kiếp người một cách kiên cường tuyệt vọng. Nó ráo hoảnh đến se sắt ! Đột ngột, chú Khiêu oằn người, mặt nhăn riết, mồm méo xệch, mắt nhắm nghiền, tay ôm bụng. Có lẽ có một cơn đau vừa dấy lên nơi bụng, từ gan... Thuấn luống cuống... Phải ! Chú Khiêu nói phải ! Đau đớn mà đòi sống, đúng là người ngu ! Phải đòi chết cơ, như chú đã đòi ! Có lẽ, cạnh những chân lý năm tháng dài hạn, còn có chân lý phút giây ngắn hạn. Mà cái chân lý phút giây ngắn hạn ấy lại có thể là chân lý vĩnh hằng ! Một màn

sương hiu hắt vừa rót phủ vào Thuấn, anh thấy chú Khiêu vừa mờ đi... Ở đấy, trong cái màn sương hiu hắt ấy, sự háo hức, cái vui hơn hớn, cái kiêu hãnh, những tự xưng giá trị... không dám bước vào, bởi chúng bé mọn quá, tầm thường quá !

Biết làm sao được, Thuấn cũng lại phải an ủi, động viên chú Khiêu với một ý thức rõ, mình đang đỏi trung thực ra khỏi mình :

– Nói thế sao được, hả chú ? Cứ xem lão Phiệt đấy, cũng trầm trọng chí tử liên miên, mua hòm trước có đến ba lần, đều cất đấy chờ một ăn. Vậy mà nay vẫn sừng sững chén thịt chó...

Chú Khiêu quay mặt lơ đãng ra cửa sổ, nơi có tiếng hót trong veo, riu rít của mấy chú chim sâu trong khóm lựu xơ xác. Chú lại nói, giọng yếu ớt :

– Mua hòm trước là... người khôn ! Không mua hòm trước là ... kẻ dại ! Chú đã dại ! Chết rồi, ai mua ?

Thuấn lại nín lặng. Cái nín lặng buộc anh nín lặng. Lại cũng ở tầng sâu câu nói ấy, trùng trùng cay đắng oán hận ! Thì ra, tất cả những gì không phải xương thịt trong chú Khiêu, đã tan vỡ ! Ừ, phải và có thể, chân lý mà không riêng lẻ, là không chân lý nữa rồi ! Làm gì có chân lý ngấn ngày, dài ngày, làm gì có vĩnh hằng, giây phút, có lẽ chỉ có chân lý riêng tư mà thôi ! Lại một màn sương hiu hắt đậm đặc hơn, tiếp xuống ! Câu nào anh thốt ra đều hồng trước chú ! Ngồi cạnh chú, anh thần thờ... Lúc này, có chú y tá bước vào nhà. Đã tới giờ chích moọc phin giảm đau. Thuấn hỏi vu vơ, không nhìn chú ta :

– Không có ánh sáng à ?

– Tối thui ! Gan trầm trọng !

Nghe thế, Thuấn quay lại, xua tay... Nhưng chú y tá đã cười :

– Chú ấy rõ rồi ! Vợ con chú ấy đã nói vào tai : “ Gan ông đã nát rồi ! ”.

Nghe thế, Thuấn hựt hẫng, đột ngột chơi vơi vào một vùng mênh mông im lặng. Một vùng không tên. Một vùng chết. Một vùng tê liệt... Như một phản xạ, Thuấn nhìn chăm chú vào chú Khiêu. Trên khuôn mặt gần như lằn đầu, không có gì xảy ra cả. Cái chết đã là bạn thân quý của chú rồi ! Và, rõ ràng chú chờ người bạn ấy. Không những chờ, mà còn quý người bạn ấy. Một người bạn im lặng âm u, không hình hài vậy mà rộng lớn vô cùng, chân thành thân thiết với bất kể ai, bất kể tuổi nào !

Chú y tá đóng xong mũi moọc phin, xách túi ra về, chẳng nói gì, cũng không chào ai... Rõ ràng là chú ấy không muốn nán lại. Cổ lẽ đã bớt đau, chú Khiêu thều thào :

– Có ai đưa tôi chai dầu !

Thuấn vội hỏi :

– Ở đâu ? Tôi lấy cho.

Nghe thế, thím Xanh từ góc phòng, ngừng đan thúng, móc trong túi áo chai dầu lèo xanh, quăng đến cho anh. Anh không ngờ thím lại quăng, nên chụp lấy không kịp, chai dầu lèo rót ngay trên bụng chú Khiêu. Quả là nó rơi trúng ngay vùng gan đau. Mặt chú Khiêu méo mó, xám trắng vàng xanh lẫn lộn, mắt cụp lại, hai hàm răng cắn chặt, quai hàm bạnh ra, cổ chịu cơn đau, không cho bật ra một tiếng rên la đau đớn nào ! Thuấn hốt hoảng nhặt chai dầu xanh lên. Anh sững sờ. Chai dầu còn mới nguyên, vỏ giấy chưa bóc, loại dầu xanh Con Ó, giá thị trường khoảng bốn chục ngàn đồng. Cổ họng anh đắng nghét, khô khốc, anh nuốt nước bọt hơi đau, như vừa bị viêm họng. Một tia sáng vừa xoẹt ngang, tia sáng xuất phát từ chai dầu gió xanh : Có lẽ vì có anh, nên thím Khiêu mới quăng ra chai dầu, mà có lẽ cũng vì có anh, nên chú Khiêu

mới đòi thoa dầu ! Trong anh, tất cả nhà này đều rơi là tả, vỡ tung... Làm gì có chân lý chung, riêng, ngắn hạn, dài hạn. Chúng đã thành rác rưởi !

Ngay lúc này, vang tiếng chân nặng nhọc bước vào nhà. Đó là anh Nam, con trai chú Khiêu. Anh đang vác một bao lúa trên vai, mồ hôi chảy như suối. Có lẽ, anh ta đã đi vay mượn từ khá xa đem về. Trông anh rất mệt. Anh không chào Thuấn, nhưng Thuấn lại vụt đứng dậy, hỏi một câu ngớ ngẩn đến lợm giọng :

– Sao ? Bác sĩ bảo sao ?

Thuấn biết câu hỏi của mình là câu hỏi thừa thãi, chức năng của nó chỉ là biểu hiện sự luống cuống để thay lời chào vô duyên. Nếu chẳng có ai trả lời, nó sẽ rơi vào lại chính anh, để không biết ném đi chỗ nào ! Anh Nam quăng bịch bao lúa xuống nền nhà, bụi lúa bay vạt vờng.

Giọng anh khô khốc :

– Bảo sao à ? Như chiếc xe tránh ! Chết chút xăng vào, lại rống lên ! Chờ ra bãi thải !

Câu trả lời anh Nam tuôn ra, mang một sức nặng lạ thường, đã ấn nhẹp Thuấn phịch lại xuống ghế đau đینگ ! Đó là sức nặng của một tan rã giá trị, tan rã triệt để ! Anh thần người ! Sao lại thế nhỉ ? Ai bắt anh ta nói câu ấy ? Ai bắt anh ta nói ? Thuấn méo mặt, như có ai đó vừa thọc vào tim...

Vẫn không nhìn ai, anh Nam cởi áo lau mồ hôi mặt, đi thẳng ra hè sau. Thuấn ngơ ngác, nhìn quanh quất căn nhà trống trơn của chú Khiêu. Trên tường nứt nẻ kia, móc một tấm lịch hình ba ông Phúc, Lộc, Thọ cút ruồi đầy mặt, áo xống loang lổ bụi thời gian, “ lốc ” lịch vẫn còn nguyên không ai xé ! Bên này, xốt lại bàn thờ tổ tiên hoang lạnh, nơi có hai túi quà cam sữa của anh chễm chệ như khách quý ! Đột ngột, trong một tích tắc như có một sức mạnh vô hình lôi anh, anh nhào người về phía ấy để làm một tên tiểu nhân hèn mạt, một gã vô liêm sỉ, một thằng côn đồ táng tận lương tâm, để giật lại hai túi quà đem đi chỗ khác. Đem đi chỗ khác cho dù quăng đi cũng được, bởi thế nào, thím Xanh và anh Nam cũng sẽ ăn ! Nhưng không, một tích tắc qua rồi, anh đã ngồi thẳng lại. Anh đã không làm được ! Cho dù có rút xé, anh vẫn là anh, một người tên Thuấn ! Cái tên là ngôi nhà của anh, cũng là ngôi mộ của anh ! Rồi cũng thật đột ngột, anh quay nhìn chú Khiêu để xem chú còn hay mất. Chú Khiêu vẫn còn...

Chú đang cắn chặt hai hàm răng chú đã lún mất vào nướu, đôi mắt nẹt lửa. Trông chú như vừa run, vừa cười, vừa khóc. Tất cả những cái ấy chú đã nuốt vào bụng, và ngay nơi cái vùng gan đau nơi bụng ! Chú cuộn người như cái lò xo trong sự yên lặng cực kỳ ! Từ người chú, không phát ra bất kỳ một âm thanh nào, cho dù âm thanh hơi thở ! Anh đang xem một đoạn phim câm cực kỳ câm lặng ! Cái nghèo bực lầy sự hoạn nạn đã bốc khói ! Tại sao bốc khói ? Tại vì những thứ đẹp để đã cháy rồi ! Và, cũng thật đột ngột, anh cũng y như chú Khiêu, răng cắn chặt, quai hàm bạnh ra, môi mím lại, anh vụt đứng dậy, quăng chai dầu gió xanh lại cho thím Xanh, bước nhanh ra khỏi nhà, mang theo một lòng thương kỳ lạ đến ác độc, là thương... tại sao chú Khiêu không chết đi, để ra được khỏi nhà !

Anh loay hoay với lòng thương kỳ lạ ấy, buổi sáng đã biến mất, quên cả thăm bà Mền như chương trình...

## Gấu chuyện cùng Ngô Phan Lưu Vương Tâm

Dừng chân ở Phú Yên lần này tôi quyết làm hai việc, sau khi đi thăm khu du lịch Gành đá đĩa sẽ gặp bằng được nhà văn Ngô Phan Lưu. Ngỡ như ông ở tận vùng quê nào đó, vì người ta

vẫn nói ông là một nông dân viết văn, mà lại ở tuổi 60 mới đoạt giải nhất cuộc thi truyện ngắn của báo Văn Nghệ. Ấu đó cũng là sự lạ.

Sau khi đi thăm *Gành đá đĩa* về, tôi tìm cách xin được số điện thoại của ông và gọi liền. Thật không ngờ, ông lại ở ngay trên đường Duy Tân, khá gần chợ Phú Yên. Nghe tôi ở Hà Nội vào ông rất vui và ra tận đầu phố đón tôi. Thật dễ nhận ra ông với bộ râu quai nón và gương mặt trầm lặng quen thuộc, mặc dù ông không cao lớn như tôi tưởng.

Ngay vừa khi tới nơi, tôi mới nhận ra sự xuất hiện của mình không đúng lúc chút nào, vì nhà ông đang triển khai công việc lát nền cho cửa hàng giải khát mới mở. Thấy tôi ái ngại ông vội vã kéo vào nhà và nói rằng cửa hàng là của người con trai út, chứ ông không bận bịu gì. Thế là chúng tôi vào nhà nói đủ thứ chuyện như đã biết nhau từ lâu. Theo thói quen nghề nghiệp tôi rút máy ảnh định chụp, thì ông nhanh nhẹn đứng dậy nói:

- Ông lại đây! Chụp tám ảnh qua máy tính trước đã để tôi lưu vào máy luôn làm kỷ niệm.

Tôi với ông ngồi chung một ghế trước màn hình. Ông bật webcam, nghiêng đầu về phía tôi rồi nháy phím Enter. Ảnh hiện lên xem ra không hợp, vì nét mặt ông rất nghiêm nghị còn tôi lại nhoèn cười. Thế là chụp lại. Ông không cho tôi cười nữa. Tôi mím môi. Enter! Ông vẫn chưa hài lòng vì mái tóc của tôi hơi bị rối. Chụp lại! Ông quay ra lấy lược chải đầu cho tôi và còn dặn thêm đừng mím môi quá căng cứng. Tự nhiên tôi chợt nghĩ tới văn ông cũng kỹ lưỡng gọn gàng như cách chỉnh hình, dù chỉ qua một lần chụp ảnh. Phải tới hai lần Enter nữa, ông mới xoa tay nói tạm ổn, nhưng lại chỉ vào ảnh nói:

- Tôi dù cười trông vẫn khô, còn ông dù cố nghiêm nom vẫn tươi cái mặt. Ấu đó là cái nét riêng của mỗi người. Ép cũng chẳng được. Ông chuyên làm thơ tình là phải!

Thế là câu chuyện ông chuyển sang chuyện văn chương. Cũng vì cái khác nhau ở mỗi người mà ông lèo sang chuyện hành văn:

- Từ nay tôi viết sẽ không dùng dấu phẩy nữa!

Tôi hỏi vì sao, ông lý giải rằng cần phải cho nhịp văn nhanh hơn, nên tất cả những câu văn của ông sẽ chỉ là những câu đơn và không còn các mệnh đề phụ đi theo, do đó không dùng đến dấu phẩy. Ông cho rằng chính những câu đơn mới thu hút sự chú ý của người đọc, không bị phân tán bởi những chữ miêu tả, hoặc diễn đạt tình cảm dài dòng. Tôi tò mò muốn biết xuất phát từ đâu mà có ý định đổi cách hành văn này, ông nói luôn:

- Có lần tôi vào một ngôi chùa. Đường dẫn qua một cái hồ vào chùa chỉ là những cái cọc bê tông vừa đủ đặt bàn chân, chứ không phải là con đường thông thường. Mọi người muốn đi vào cửa chùa đều phải rất tập trung đi trên những cái cọc bê tông đó, nếu không sẽ ngã lập tức.

Và ông cũng muốn văn mình chỉ là những dấu chấm câu để thu hút người đọc với sự tập trung cao độ, như khi đi trên từng cái cọc để vào chùa. Thế rồi ông nhắc đến văn Nguyễn Huy Thiệp. Xem ra ông đọc rất kỹ truyện ngắn của nhà văn này, ông hóm hỉnh diễn đạt:

- Hành văn của cánh mình ví như nhắc chân lên rồi bước xuống đất một cái “bịch”, thì ông Nguyễn Huy Thiệp, khi nhắc chân lên, bàn chân ông lại ngúc ngoắc sang phải, hay sang trái, hoặc hất lên hất xuống, rồi mới bước xuống cái “bịch”. Văn ông ta hay và hút hồn người đọc bởi cái sự ngúc ngoắc bàn chân ở trên không đó.

Rồi ông lại xoa tay cười tỏ ra thán phục cách hành văn rất biến ảo, nhưng lại giàu chất hiện thực của Nguyễn Huy Thiệp. Khi thấy tôi nói, thực ra hành văn, dù có lạ cũng chỉ là cái áo, cái vỏ của cốt lõi ý tưởng tác giả. Ông lập tức tán thưởng:

- Đúng vậy điều quan trọng là bố cục, kết cấu truyện nhằm thể hiện chủ đề.

Rồi ông cho là hiện nhiều người chỉ là ở mức độ kể lại một câu chuyện. Câu chuyện dù có xúc động, dù có đậm chất hiện thực, nếu không có gửi gắm ý tưởng gì, thì vẫn chưa gọi là truyện ngắn. Nhắc đến truyện được giải của mình, ông nói:

- Mọi người hay nhắc đến truyện “*Buổi sáng biến mất*” nhưng tôi lại thích truyện “*Corn chiều*”, bởi ý tưởng rõ nét và sắc bén hơn.

Thấy chuyện về kỹ thuật viết truyện sẽ rất dài dòng nên tôi lảng sang chuyện khác:

- Ông viết truyện từ năm 1994 đến giờ, hiện sách bán rất được, liệu tích được nhiều tiền không?

Ông cười rồi nói:

- Không! Lâu nay có đồng nhuận bút nào tôi đưa cho vợ hết. Khi nào cần tiêu gì thì nói bà ấy đưa thôi. Chứ tôi không giữ được tiền.

Vậy xem ra nhà văn Ngô Phan Lưu cùng cánh “*nể vợ*” như tôi. Vì đã có thời khi đi cắt tóc, tôi cũng đã từng phải ngửa tay xin vợ tiền. Tất nhiên điều này tôi chẳng nói ra trước mặt ông, mặc dù nom tướng ông có vẻ đàn ông hơn tôi nhiều.

Tôi chợt hỏi ông sắp tới có ý định viết tiểu thuyết, thì ông lắc đầu ngay lập tức:

- Tôi viết ngắn lắm. Tạng tôi không viết được tiểu thuyết.

Rồi ông đột nhiên lái sang chuyện viết tiểu thuyết không thành công vừa qua của nhà văn Nguyễn Huy Thiệp, như lấy làm bài học cho mình rằng, chỉ nên phát huy sở trường của mình, không nên quay hướng. Rồi ông nghiêm sắc mặt. Bộ râu quai nón rung rung. Ánh mắt đã mờ đục như đang nhớ về những hình ảnh của quá khứ đã trải nghiệm trong đời. Những ký ức đó thường quay về làm xáo động tâm hồn ông, suốt 16 năm cầm bút.

Bất ngờ tôi hỏi động lực nào thúc giục ông viết văn, bởi lẽ trước năm 1975, ông từng theo học văn khoa, ham mê triết học và sau này có thời còn kiếm sống bằng nghề chụp ảnh nữa chứ. Ông bật bạch:

- Tôi viết truyện từ năm 1994, vì hồi còn ở quê buồn quá, chẳng biết làm gì.

Ông chợt im lặng, rồi trầm giọng tâm sự:

- Duyên nợ với văn chương lại như sợi dây vô hình cột chặt từ tuổi thơ khó mà thoát ra được. Biết bao nỗi niềm về sự sống trong đời cần bày tỏ, và văn chương là sự giải thoát, và cũng là sự chia sẻ với cộng đồng một cách sâu sắc nhất. Thế là tôi viết truyện.

Tôi ngồi nhìn gương mặt trầm tĩnh của ông, chợt liên tưởng ông như một “*Dị nhân*” toát lên từ nét khắc khổ, xù xì nhưng lại toát lên tính cách lạ trong văn ông. Tôi vừa lên “*Gành đá đĩa*” mới hay sự lạ lùng của những tảng đá với hình thù đẹp đến kỳ dị, mặc dù mới nhìn thấy chúng

được thiên nhiên sắp xếp một cách rất tự nhiên. Chúng hiện lên đúng như giọng điệu trong văn Ngô Phan Lưu, độc đáo nhưng lại giản dị. Và nữa, trước đây có lần tôi cũng đã về Phú Yên, theo chân những người lặn lội ngược con suối, cách thành phố gần trăm cây số để săn lùng những hòn đá đẹp, những tảng đá kỳ dị. Chúng đều có nét đẹp cổ quái nên thường được gọi là “Dị Thạch”. Người đời có câu: “Có chí chơi đá - Có dạ chơi cây”, vậy nên phong trào chơi đá cảnh đã được coi là một tính cách của Phú Yên. Và, khi tôi gặp nhà văn Ngô Phan Lưu, lại càng liên tưởng tới tính cách này. Đọc mỗi truyện ngắn của ông tôi ngỡ như được gặp một bản “Dị Thạch” với nét chữ hoa đúng nghĩa. Chúng được sắp xếp một cách tự nhiên, với mọi vẻ độc đáo khác nhau do sự gọt dũa của thời gian, làm người đọc nhớ và đọc lại luôn thấy mới. Hẳn vì thế chăng, nhà sách Nhã Nam đã cho tái bản tập truyện và tản văn “Xoa tay và cười” của ông, bởi sau một thời gian ngắn đã bán hết. Có người hỏi vì sao lại là xoa tay và cười, ông lý giải:

- Tiếng cười này gần như đồng bộ với việc xoa tay. Tiếng cười của một người vừa xong một công việc tuy chẳng ra sao, nhưng dù sao cũng xong xuôi cả. Tiếng cười này bay vờ vẫn một chập rồi đáp ngay vào người để ra nó, để chấm dứt cái xoa tay. Tiếng cười này mới ngỡ tưởng chỉ cười người khác, nhưng hóa ra lại cười chính mình cùng lúc với cười người khác.

Tôi định hỏi ông một câu gì đó về tập bản thảo mới, gồm những truyện ngắn viết không dùng dấu phẩy, sắp xuất bản thì chợt thấy ông xoa tay, nên bật cười. Khi ấy ông mới xoè hai bàn tay chai sạn ra nói:

- Thôi tôi phải đi khuôn gạch đây. Chiều thợ đến lát nền cho quán hàng của gia đình rồi. Thông cảm nhé.

Ồi! Chuyện mưu sinh bận rộn thế đấy. Tôi cũng ra giúp ông một tay đẩy xe gạch vào sân rồi mới chào tạm biệt. Bà vợ ông cười có vẻ mừng ra mặt vì ông chồng vừa thoát khỏi sự phiền nhiễu của những tay làm báo như tôi. Bởi lẽ, sắp tới đây ông sẽ phải cùng bà bưng bê những tách cà phê cho khách. Và thế giới của ông, “xoa tay và cười”, chỉ là khi màn đêm buông xuống với trời sao lấp lánh, rồi gõ máy đến sáng bà cũng mặc kệ. Kiếm sống cái đã.

*Phú Yên - Hà Nội, 12- 4-2010*

## Cơm chiều

Làng Thạch Thổ chừng hai mươi nóc gia, rải rác trên chân núi Cảo. Ở đây, chuyên nuôi bò đàn. Ở đây, bò nhiều hơn người. Ở đây, đã có thời nổi tiếng về cái “chuồng bò thảng”. Đó là loại chuồng bò lộ thiên, rất rộng. Không mái, không nền, chỉ có trụ và róng ngang, ngăn bò không phóng ra. Trong chuồng bò này, phân tươi, phân khô, lớp lâu, lớp mới, hoà trộn vào nhau ngập tới gối. Bò không thể nào nằm được, vậy mà bò vẫn lớn, vẫn mập, vẫn tiền. Khi phân nhiều quá, sợ lút mắt bò, người ta bỏ chuồng, dời sang chỗ khác. Đất đai ở đây, mênh mông, tha hồ.

Núi Cảo có thác Đá Mài, vào mùa mưa lũ, thác tung “nước khách”, xốc thẳng vào làng Thạch Thổ. Sở dĩ, gọi “nước khách” vì nước cứ như khách, không mời mà đến ở vài giờ, rồi đi biệt. “Nước khách” quả là nguy hiểm. Nó vỗ ra thành linh, khi sâu trong núi Cảo có ba tiếng nổ vang rền, vỗ ra với tốc độ cuộn cuộn hung dữ. Đó là lý do khiến nền nhà ở Thạch Thổ, người ta đắp rất cao, và chất đá xung quanh, vừa giữ nền, vừa làm tam cấp trèo vào nhà. Người lớn đứng dưới sân, nền nhà cao ngang tầm mắt.



Đất đai làng Thạch Thổ cũng hung dữ như thác Đá Mài. Mùa mưa dẻo như keo dán, sang mùa nắng quánh cứng như đá. Đất có thể xẻ rách chân như bom sót mảnh.

Làng Thạch Thổ vừa có điện sáng năm ngoái.

Nhà anh Lân ở làng Thạch Thổ. Hộ anh có bảy khẩu. Năm ngoái mất một khẩu. Đó là khẩu bà nội anh. Bà mất vì đã biến thành trẻ con. Vào một sáng, bà nghe anh Lân từ cổng vào, la to : “ Có bánh nậm đây, mẹ của cha ơi ! ”. Bánh nậm bà rất thích. Nghe thế, bà mừng quýnh, lều khều bước nhanh ra thêm cao, sụp chân té văng xuống sân, va vào đá lớn nhón. Gãy chân, móp đầu, ba ngày sau bà “ đi ” ! Bánh nậm vĩnh viễn chưa ăn !

Sổ hộ khẩu anh Lân đã gạch tên bà. Hiện nay còn sáu khẩu :

– Cụ ông : bố của Lân. Tóc thưa vài sợi rất dài và trắng tinh. Trông ma quái thần tiên. Suốt ngày ngồi thần người, không hở môi nơi cuối hiên nhà, mắt đậu dính về đỉnh núi Cảo, chìm đắm nơi chín tầng trời tiên giới.

– Cụ bà : mẹ của Lân. Nhỏ thó. Mặt, tay, cổ vô số nếp nhăn rói rắm, sâu như dao cứa. Tiếng nói khàn đục, giọng thổ của đàn ông. Trò chuyện thường liếc ngang, liếc dọc, khiến người gần bên cảm giác bà thuộc phe mình.

– Anh Lân : chủ hộ. Con bí mật của cụ bà. To lớn, vạm vỡ. Tánh lửa. Nóng lên, hai phao mũi phập phồng, sẵn sàng thô bạo. Dị ứng chữ nghĩa. Thích rượu và cả đánh lộn.

– Chị Thuý : vợ Lân. Mảnh mai, dễ vỡ. Da trắng bặt lạt, cổ nổi nhiều gân xanh. Nhìn chị, người ta ái ngại, lo lắng, không biết có sống nổi qua con trăng này không. Siêng năng im lặng. Cần cù làm việc. Nhiều lúc, ngỡ là cái bóng.

– Cu Còm : con. Đang theo lớp năm. Ngày không học, phụ trách chăn bò thay bố.

– Gái Tý : con. Theo lớp 4. Chuyên quét sân, nhà, rửa bát và đập vào vai ông nội mời cơm.

Đàn bò nhà anh Lân mười sáu con lớn nhỏ. Lúc này, năm giờ rưỡi chiều. Nền trời rực màu cà rốt. Nhiều đàn chim cò bay về núi Cảo theo đội hình, trông thật ngoạn mục. Gió đứng yên.

Không khí còn nóng. Nhà anh Lân, cơm chiều đã dọn ra hiên.

Hôm nay rằm, cụ ông ăn chay, cả nhà cũng theo cho tiện việc nấu nướng. Trên bàn gỗ vuông thấp, đã đặt nồi cơm bốc khói. Một đĩa lớn rau dền luộc, một tô xác đậu xào giá, hai chén xì dầu : một ớt, một không. Cụ bà, chị Thuý, cu Còm, gái Tý ngồi bằng đòn kê quanh bàn. Họ chờ anh Lân gài cổng chuồng bò, nên chưa động đũa. Gài cổng xong, anh vào bếp, giắt chiếc roi mây củ sấp vào líp tre, đoạn ra vò nước rửa tay rửa mặt. Trông anh mệt mỏi và bực dọc. Trời còn sáng. Nhà chưa bật điện. Cụ ông vẫn ngồi bất động nơi cuối hiên, mắt đậu lên đỉnh núi Cảo, lưng quay về phía bữa cơm.

Lân vừa ngồi xuống đòn, cái kính :

– Lạc mắt tiêu con ghé lang.

Nghe câu Lân vừa nói, mọi người chìm hẳn. Nếu mắt thật con ghé lang, là mất ba triệu !

Chị Thuý vừa bới cơm, vừa bảo nhỏ gái Tý :

– Tý, con đến mời ông nội.

Gái Tý phụng phịu :

– Mẹ không sai anh Còm, sai con hoài ?

Chị Thuý nhìn gái Tý, ngạc nhiên một thoáng, đoạn nói :

– Còm, con mời ông, nhanh lên.

Còm vùng vằng :

– Sai Tý không đi, mẹ lại chuyển sang con.

Lúc này, cụ bà vừa so đũa, vừa chen vào :

– Thì, thằng Lân mày đi mời cũng được. Để tụi nó ăn.

Nghe thế, đột ngột cơn nóng giận xoè cánh đập phừng phực trong người Lân. Hai phao mũi anh, lập tức phập phồng báo hiệu một biến cố. Nhanh như điện, anh bốc thằng Còm quăng ra sân. Chân xoạt thẳng, anh đập cái Tý ngã ngửa. Chân cái Tý móc chiếc bàn ăn đổ ngã. Còm té sấp xuống sân, mồm bê bết máu, bụi. Nước chấm xì dầu tung đầy ngực cụ bà. Nồi cơm lăn lóc xuống bậc tam cấp đá, đĩa rau dền luộc, đĩa xào xác đậu tấp vào bụng chị Thuý và gái Tý. Còm, Tý hốt hoảng bật phóng dậy, chạy trốn sau hè chuồng bò.

Cụ ông vẫn ngồi bất động nơi cuối hiên, không hề hay biết. Lân vụt đứng phất dậy, vớ cái chổi, nắm chặt, mắt lia nhanh về phía cụ ông, tiếp đến xoạt sang cụ bà. Chị Thuý sững người, chị điếng người khi gặp ánh mắt của chồng. Một ánh mắt rực lửa căm ghét, sắc như dao cạo. Ánh mắt kinh khủng đến nỗi, chị lạnh toát sống lưng. Trong một thoáng, ánh mắt của chồng, đã nói tất cả. Sự bạo động vừa nổ ra dành cho cụ ông đang ngồi cuối hiên. Tay cầm chặt cán chổi là để quét cụ bà. Gái Tý và Còm là cái cớ hy sinh. Đột ngột, chị đứng phốc dậy, ưỡn ngực, nhìn thẳng vào mặt chồng, đôi mắt nẹt lửa. Lân giơ cao tay cao lên toan tát, nhưng trước cái nhìn đầy dũng mãnh thách thức ấy của Thuý, bàn tay anh thống xuống, rơi cái tát. Bàn tay tự nó thả rơi cái tát. Anh chưa hiểu được, tại sao lại đầy sức mạnh trong đôi mắt vợ. Bực tức, anh quăng chổi ra sân, phóng xuống thêm, đi nhanh ra cổng...

Lúc này, cụ bà đấm hai tay vào ngực, tức tưởi :

– Nó lấy chổi quét tao ! – Giọng thổ, khàn đục của bà rít lên ma quái như từ âm phủ – Còn giả nhân, giả nghĩa quăng Còm, đập Tý. Đồ mắt dạy ! Quân bất hiếu ! Biết thế, bóp mũi chết ngay hồi mới lọt !

Cụ vịn gối đứng dậy, lê chân vào nhà trong thay áo. Khuôn mặt cụ nhăn nhúm như tờ giấy bạc polyme rớt vào chậu lửa. Cụ vừa đi, vừa chửi rửa trong nước mắt : “ Quân tôi bại ! ”. Vừa nghe tiếng chửi rửa của mình vang lên, đột ngột mắt cụ ráo hoảnh. Ráo hoảnh ngay trong nước mắt. Cụ giật mình. Thì ra, tiếng chửi rửa vừa rồi, là để chửi rửa mình ! Cụ vừa gặp một thứ ánh sáng của đèn chai, loại ánh sáng cong, đã len lỏi vào tâm hồn cụ. Ừ, có thời gian dài, cụ ông bỏ nhà, mê theo nhóm đạo sĩ tu tiên đỉnh núi Cảo. Áp lực của sự đè nén dục tình lâu ngày, đã nhấn chìm cụ. Bó thật của Lân, cái thằng khốn kiếp ấy, cụ không bao giờ hé răng. Thằng ấy buộc phải làm hòn sỏi chìm sâu đáy biển tâm hồn. Đang lê bước, cụ khựng lại đột ngột như chiếc xe thắng gấp. “ Quân đòi bại ! ” đúng là tiếng rửa mình. Cụ mím môi. Cụ đóng chặt cánh cửa quá khứ lại. Quăng chìa khóa xuống vực, lê bước đi tiếp vào phòng. Một khi con người tự ghét mình, khó mà thương ai nổi nữa ! Cụ bà âm thầm thay quần áo ướt xì dầu, tỉnh lặng, không khóc. Nhà có chó, nhưng bị bắt trộm, thức ăn vung vãi còn đầy...

Bên ngoài, chị Thuý tay nắm cái chổi mà kiệt sức. Chị cố gắng nhắc lên để quét gom thức ăn vung vãi, hót đồ cho heo. Dọn dẹp xong, chị rửa mặt rửa tay cho Còm và Tý. Còm bị đập môi, gái Tý không sao, chỉ đau ê ê nơi bụng. Chị vào giường, trùm kín mền, tay bưng mặt khóc thút thít. Một trời tủi thân tràn ngập người chị ! Giờ đây, dưới áp lực của sự tủi thân thấm dẫm, cơn giận ghét chồng đã biến mất. Nó biến mất để nhường chỗ cho một căm ghét khác, đó là nỗi căm ghét con Tinh, chủ sạp tạp hoá đầu làng Thạch Thổ. Khúc phim ký ức được nhúng vào thuốc hiện thực, đã hiện hình tươi màu sắc nét. Cái bản mặt vênh váo, cười cợt của con Tinh hiện ra : “ Thím Lân xinh đẹp, trắng trẻo ơi ! Hai ống quần lò xo của thím, đúng mô đen phải đeo hai cục đá vào chớ ? Hai cục đá của thím đâu nào ? ”. Cái hôm xa lắc ấy, Thuý mặc bộ đồ đi làm nương rẫy. Bộ đồ lao động bạc màu, lam lũ. Hai ống quần ngồi đứng lâu ngày, cứ xoắn tít lên nửa ống chân. Chiếc quần một đời chưa trông thấy chiếc bàn là ! Câu nói mỉa mai cũ của

con Tình, giờ này lại bồi thêm một nhát dao mới rớm máu. Máu ấy, nghe đắng nghét cổ họng. Ở đời, không có gì mất cả, cho dù là một câu nói. Đặc biệt, câu nói mỉa mai có tuổi thọ ngang bằng sự căm thù ! Cả cái cười mỉa mai cũng thế !  
Thấy bố đi khỏi, Còm và Tý bật ti vi xem hoạt hình Tom và Jerry.

Bóng tối đã là tả trùm xuống.

Đột ngột, chị Thuỳ tung mền ngồi dậy. Chị toan xếp quần áo, bỏ về nhà mẹ đẻ. Nhưng, chị lại cau mày, bởi hành động này là sự chằm ngòi cho một cuộc nổ lớn hơn. Biết tính chồng, chị lại thôi. Lại khóc...

Bóng tối không còn là tả nữa, mà trùm xuống nhiều hơn.

Cụ ông vẫn ngồi im lặng, nhòa dần nơi cuối hiên. Ông ngồi trên chiếc đôn nhỏ, đóng bằng ván cà ná, đầu gối quá tai, bởi lưng cụ đã còng nhiều. Dường như, đó là một hình khối có dáng hình nhân, vừa chồm tới vừa ngã sau cùng lúc. Vừa chồm tới, vừa ngã sau, thực ra đó là một thể vững chãi, rất vững chãi trong bấp bênh. Trong tư thế ấy, cụ ông nhớ ra, không có ai lay gọi mình ăn cơm cả. Cụ chép miệng. Tiếng chép miệng ngắn ngủn, đục và dứt khoát buồn. Thế cũng chẳng hề gì. Cụ nghe trong cổ họng có một thứ hiu hắt quánh lại thành cục. Cụ nuốt ực vào bụng. Cụ đổi thế ngồi. Cụ ngồi xếp bằng, hai tay chồng nhau, đặt lên đùi trái. Cụ xếp thẳng lưng. Cụ nhắm mắt. Cụ điều giãn cái tức. Cụ thiền định về cơm... Một chập sau, cụ táp nuốt sượng đem của rừng núi vừa tạt vào... Cụ biến thành một con cóc ăn sượng !  
Làng Thạch Thổ đã sáng đậm cùng khắp. Những vùng sáng rải rác, vẽ một đường cong cong. Còn anh Lân chủ hộ, bước nhanh ra cổng, đi đâu ? Đi đâu ?... Giờ này ở đâu ?

## Nhà văn Ngô Phan Lưu

### Đam mê sống và đam mê suy nghĩ nhiều hơn lúc trẻ Thu Huyền

*Con đường văn chương thật là nhọc nhằn, và người ta phải đánh đổi cả những buồn vui trong cuộc đời để theo nó. Vậy mà ông khi đã ở vào cái tuổi ít đam mê lại chọn lối đi này. Đơn giản chỉ vì nhiều thời gian và thời gian nhiều thì những nghĩ suy cũng đến nhiều. Và những con chữ cứ thế đi vào trong trang giấy?*

Ngô Phan Lưu: Con đường văn chương quả là nhọc nhằn, thế nên tôi phải cố gắng hết mình, nhưng tôi cũng chả dại gì đánh đổi những buồn vui khác trong cuộc đời để chạy theo nó đâu, bởi vì nó cũng chỉ là một trong những buồn vui của tôi mà thôi. Con đường văn chương lại cũng quả là một đam mê, nhưng làm sao chị biết ở tuổi tôi lại ít đam mê? Tôi đam mê sống và đam mê suy nghĩ nhiều hơn lúc trẻ đấy. Cả hai đam mê này hiện nay đều có thể trưng dụng cho con chữ, nhưng những con chữ không dễ dàng đi vào trang giấy, mà cần phải nỗ lực bản lĩnh, phải lao tâm khổ trí. Tại sao như vậy? Tại vì những con chữ chúng không sợ chuyện gì, trong khi bản thân tôi lại sợ đủ chuyện! Tệ thật, nhưng phải đành vậy! Không phải vì có nhiều thời gian mà những nghĩ suy cũng đến nhiều đâu, mà chính là ngược lại. Thậm chí có thể nói, vì không còn thời gian, nên nghĩ suy mới đến nhiều. Những nghĩ suy của tôi đều chú tâm vào con người cùng thời bây giờ trong phạm vi tôi sống.

*Ban đầu là đến với thơ (tập thơ Bếp Lửa Chiều Đông), sau đó ông đã dục vào chiếu văn thật bất ngờ. Giải thưởng “Buổi sáng biến mất” của báo Văn nghệ đã khẳng định một cái tên Ngô Phan Lưu. Đấy chắc hẳn không phải may mắn. Ông nghĩ gì về điều này?*

Ngô Phan Lưu: Giải thưởng văn học dứt khoát không phải một cuộc xổ số, thế nên không có chuyện may mắn. Do đó, tôi trân trọng và vui mừng. Nó đã tạo cho tôi tự tin hơn trong công việc sáng tác văn học. Hoá ra, trong sáng tạo chẳng có bí quyết hoặc qui luật gương mẫu nào buộc phải tuân theo. Hoá ra, cũng chẳng có đề tài hay hoặc đề tài dở. Vấn đề là mình có đào sâu đến tận cùng sự chân thành của suy nghĩ và hành động khi xử lý nó hay không. Tôi để ý thấy một việc giống như qui luật nhưng không phải qui luật, đó là lúc đầu tiên làm văn chương, phần nhiều ai cũng khoái làm thơ. Mà ngay cả những người không làm văn chương, hễ có dịp làm văn chương, họ cũng thích làm thơ. Do đó, như số đông, ban đầu tôi cũng đến với Thơ. Nhưng sau khi bán bò in tập Thơ “Bếp Lửa Chiều Đông” dựng chật hơi hướng một tập văn đủ thể loại, tôi biết rằng mình đã bị nạng Thơ cấm sừng. Thế là tôi bỏ Thơ. Nói “bỏ Thơ” là nói cho sang, thật ra Thơ bỏ tôi, nhưng nó bỏ tôi thì tôi đại gì mà không bỏ nó. Vậy là, xoay sang viết văn xuôi, trong đó có 2 truyện ngắn “Buổi sáng biển mát” và “Cơm chiều” được giải thưởng. Việc này không có gì là bất ngờ cả. Có bất ngờ chẳng là bất ngờ đúng y như mình đã ngờ. Ừ, chúng ta vẫn luôn ở nơi chúng ta muốn đến đó thôi.

*Tôi thật ấn tượng với những trang tản văn ông viết. Một Ngô Phan Lưu sâu sắc nhạy cảm khi khai thác những tâm sự của người nông dân. Có những điều giản đơn đã làm nên hạnh phúc của họ. Khi tôi đọc “Đàn ông đi chợ chiều” tôi vẫn tự nghĩ theo ông thế nào là chân hạnh phúc, có phải chỉ đơn giản là đàn ông đi chợ chiều không?*

Ngô Phan Lưu: Cảm ơn những ấn tượng đẹp về các tản văn chứa đựng những hạnh phúc giản đơn của tôi. Nhưng đã là hạnh phúc cho dù giản đơn, thì cũng không có chân, có giả. Nếu giả hạnh phúc, hẳn nhiên đó không phải hạnh phúc. Còn đó là chân hạnh phúc thì cũng không phải là hạnh phúc nốt nữa rồi. Hạnh phúc là vật kỳ lạ, khi ta biết nó thì nó đã mất rồi. Khi ta được nó, lại chẳng biết nó có mặt ở đây. Hạnh phúc không chỉ là “Đàn ông đi chợ chiều” mà còn nhiều thứ khác nữa trong đời một nông dân. “Đàn ông đi chợ chiều” chỉ là cái vảy của hạnh phúc, nhưng vẫn là một hạnh phúc chính cống. Việc này cũng giống như con sò chỉ là cái vảy của đại dương, nhưng nó tằm trong đại dương và rỉ rào đại dương. Ở trong chuyện này lại có một điều kỳ lạ nữa, đó là ước muốn có được hạnh phúc lại cản trở hạnh phúc.

*Cuộc sống của ông có gì thay đổi không kể từ khi có nhiều người biết đến tên ông? Tôi thì đoán rằng ông vẫn thế, vẫn cặm cùi, vẫn nghĩ ngợi, vẫn suy tư về những điều mà mọi người bình thường ít chú tâm?*

Ngô Phan Lưu: Tôi thật sự cảm động về câu hỏi này. Quả là một câu hỏi đã được trả lời giùm rất đúng. Thật y như thế, tôi vẫn vậy, vẫn cặm cùi, vẫn nghĩ ngợi, vẫn suy tư về những điều mà mọi người thường ít chú tâm. Đó là bản tính tôi, một tật không dễ gì bỏ được. Từ khi có nhiều người biết đến tên tôi, cuộc sống tôi vẫn vậy, chỉ khác một vài điều chẳng nhằm nhò gì, ví như khi ở phố, tôi được bạn bè rủ đi nhậu nhiều hơn, ví như khi ở quê, tôi được người ta chỉ tay, xàm xì: “Đấy, cái ông giải thưởng đấy. Nom hình xác như ma đói!”. Nhưng cũng vui, vì làm văn chương mà không ai biết đến tên mình, đấy mới là điều đáng buồn. Làm văn chương chi? Nói gì thì nói, nói trời nói đất gì thì nói, tầng sâu thẳm của người làm văn chương chính là lòng háo danh.

*Đến với văn chương là tình cờ nhưng khi đã ngồi trong chiếu văn này rồi, ông có thấy mình phải theo đuổi nó không, phải đi đến cùng hay là viết được cái gì thì viết, thỉnh thoảng viết cho vui?*

Ngô Phan Lưu: Đến với văn chương không hẳn là tình cờ, vì trong người tôi đã có “máu văn chương” chạy rần rật, nhưng tôi không quyết tâm theo đuổi nó đến tận cùng làm gì. Văn

chương cũng như đàn bà, đại mà theo đuổi mãi, nó trốn mất! Tốt nhất đối với tôi, là viết được cái gì thì viết, nhưng phải viết rót ráo, viết hết mình. Ô, tôi đã ngồi trong chiếu văn rồi ư? Làm gì được chuyện ấy. Tôi không bao giờ ảo tưởng như thế. Muốn ngồi trong chiếu văn, tôi phải cố gắng nhiều hơn, nhiều hơn và tiếp tục nhiều hơn nữa. Hiện giờ, tôi tự biết mình đang đứng sát mép chiếu văn, có thể bước vào, rồi lại tự do bước ra, rồi lại có thể bước vào, nhưng chưa đủ sức nặng để ngồi xuống. Nếu ngu khờ tưởng bở, cứ ngồi ào xuống, người ta cũng rinh ra.

*Tôi thấy ông quá khiêm tốn. Trong khi đa số các nhà văn nhà thơ của ta họ ít có phẩm chất này, thường vẫn là thích ồn ã. Ông đã từng nói: văn chương với ông là cuộc thám hiểm con người. Thám hiểm con người để biết con người, tìm thấy con người và chiến đấu con người. Trong những cuộc thám hiểm ấy điều ông chú ý nhất là gì?*

Ngô Phan Lưu: Đây không phải vấn đề khiêm tốn hay không khiêm tốn, bởi khi ý thức được khiêm tốn là đã tự cao ngàm rồi đấy. Nhưng ở đây, tôi tự biết khả năng mình như thế nào, và tôi nhìn thẳng thừng vào nó với đôi mắt lạnh ngắt. Tôi lúc nào cũng tâm niệm lời dạy số 1 của đức Phật: “Kẻ thù lớn nhất đời người là chính mình”. Đúng vậy, văn chương đối với tôi là cuộc thám hiểm con người, trong cuộc thám hiểm này, tôi chú ý nhất là lòng người. Lòng người luôn khác với cái mồm đạo đức và khuôn mặt tươi cười của họ. Đừng ảo tưởng bề ngoài tốt đẹp. Trong lòng người, tôi lại đặc biệt chú ý đến cái ác, cái hắc ám. Cái ác, cái hắc ám nó kinh khủng lắm. Cái ác nhiều khi buộc phải làm, chứ không ai muốn. Nhưng một khi đã nhúng tay vào, là người ta buộc phải hoàn tất nó! Nếu bỏ dở dang, cái ác ấy sẽ quật ngược lại họ! Cái ác cứ như đêm, luôn bám riết lấy ngày. Ngày 12 tiếng, đêm cũng liền đầy 12 tiếng. Thua gì?

*Hiện nay công việc một ngày của ông là thế nào? Và Thời gian dành cho văn chương là bao nhiêu?*

Ngô Phan Lưu: Tôi không có công việc một ngày như mọi ngày. Tôi không bị gò bó thời gian theo công việc, tôi muốn làm gì tùy ý, miễn không vi phạm pháp luật là được. Thế nên cũng dành nhiều thời gian cho văn chương bằng cách đi chơi, đọc sách và suy nghĩ. Tôi ít ngồi vào bàn để luyện văn chương. Tôi dành thời gian luyện con người mình nhiều hơn.

*Và ông đã luyện mình như thế nào?*

Ngô Phan Lưu: Việc này nói ra có nên không? Nhưng đã hỏi thì tôi vẫn nói, sai đúng gì cũng được, vì đây là của riêng tôi. Tôi thường luyện tôi như sau: Mỗi tuần phải đọc kỹ mười trang sách của các tác giả mình đã coi là bậc thầy. Khi đọc phải có tờ giấy trắng bên cạnh, để vẽ sơ đồ biến chuyển suy tư của họ. Sau đó, bỏ sách và coi sơ đồ. Có sơ đồ toàn là những đường đứt khúc, nhảy vọt. Có sơ đồ lại tiệm tiến, liền lạc. Có sơ đồ toàn những quay tròn, xoắn xít như toc rôi v.v... Và, như thế là tôi nắm được kiểu suy nghĩ đặc sản của họ ngay. Tôi cũng vẽ cả sơ đồ hành động nữa. Những sơ đồ này xem có ngược hay thuận chiều với sơ đồ suy nghĩ, và như thế sẽ vọt ra ánh sáng riêng của các bậc thầy. Tôi lại cũng hay rong chơi, giao tiếp với những người không làm văn học, để mình làm được văn học tốt hơn. Còn như cứ chuyên chơi với những người chuyên văn học, mình đã không học hỏi được gì, mà nhiều khi còn rước họa. Và, trên hết, là tôi phải suy nghĩ và phán đoán... Ôi, những việc này làm sao nói rõ ràng cho được!

*Trong những cuốn sách ông đọc, ông có đọc nhiều sách của các bạn viết trẻ không. Và khi đọc những trang sách ấy, ấn tượng đầu tiên của ông là gì?*

Ngô Phan Lưu: Tôi có đọc sách của các bạn viết trẻ, tôi không say mê lắm, nhưng tôi rất trân trọng và quý mến họ. Hiện giờ, họ giống như mới, chứ không phải là mới. Họ lại giống can đảm,

chứ chưa phải là can đảm....Nhưng trong tương lai gần, tôi tin họ có thể mới thật và can đảm thật. Bởi vì họ là lớp đang trẻ.

*Quan niệm của ông về văn chương?*

Ngô Phan Lưu: Như đã nói ở trên, đối với tôi, văn chương là việc thám hiểm con người và cuộc sống bằng ngôn ngữ. Đó là cuộc thám hiểm hấp dẫn, đòi hỏi trí tuệ, tài năng và kinh nghiệm sống. Trong việc thám hiểm này, tôi nhận thấy con người cùng cuộc sống thường trực bị lung lạc bởi đồng tiền, tham vọng và bạo lực. Bên cạnh cái “thiện” hiểm hoi, cái “ác” lại đầy rẫy, và cái “ác” ấy, chỉ sợ cái “ác hơn” mà thôi! Và, đó là một chân lý cay đắng phải đắng cay.

*Nguồn: Văn Nghệ Trẻ*

## Thợ hớt tóc đường Bà Triệu



Tôi “thả” râu tự do cả năm nay, không thềm cạo, bởi lòng không còn muốn chăm chút khuôn mặt mình, nhưng tóc lâu lâu cũng phải đi hớt cho mát đầu, bớt ngứa. Có hớt tóc, tôi cũng đến hớt chỗ chú thợ đường Bà Triệu. Đó là một tiệm hớt tóc nhỏ, không bằng hiệu nhưng đặc biệt sạch sẽ, ngăn nắp. Chiếc ghế, cái kéo, cây tông đơ, xà-bông cạo, tấm gương... và cả tay nghề của chú đều chất lượng.

Lúc này, tôi xem đồng hồ đúng 10 giờ sáng. Còn một tiếng rưỡi đồng hồ nữa, còi của tỉnh mới hụ báo mãn giờ làm việc, hớt xong tóc vẫn thừa thời gian nên tôi rất yên bụng. Sở dĩ tôi phải cẩn thận tính toán thời gian như thế, vì chú thợ hớt này rất ư là nguyên tắc. Còi tỉnh hụ báo mãn giờ, lập tức chú nghỉ lao động mặc dù chú không làm việc Nhà nước. Rất nhiều người lạ chưa biết “tật” nguyên tắc của chú nên nhiều phen dở khóc dở cười. Có người khách không biết “tật” này của chú, vào hớt hơi muộn, chú vẫn hớt như thường lệ, vì còn trong giờ làm việc. Chú cầm tông đơ ủi vào da đầu ông ta một đường trắng hếu như xa lộ xuyên qua rừng tóc, thỉnh linh tai nghe còi tỉnh hụ báo hết giờ lao động, lập tức chú ngừng ngay, cất tông đơ, tháo khăn choàng ra khỏi cổ khách. Chú lễ phép, nói: “Xin lỗi ông anh. Hết giờ làm việc. Chịu phiền về nghỉ, 2 giờ chiều em hớt tiếp. Thông cảm nhé. Đây, em cho mượn cái mũ. Đội vào không ai biết gì cả”. Đấy, đấy, nên tôi phải tính toán thời gian là vì vậy.

\*\*\*

Tôi khoan thai bước vào tiệm hớt, ngồi ngay vào ghế đệm. Chú thợ hớt thấy tôi râu rìa nhiều quá, liền bảo:

“Ông anh có ý định dưỡng râu thì phải chăm sóc cẩn thận chớ. Bỏ thí như thế này, không có bàn tay con người động vào, rõ ràng không ổn. Um tùm, rối beng, coi hoang phế quá. Muốn thế, xin ông anh đừng bận tâm về râu của mình. Cứ nửa tháng ông anh không hớt tóc cũng tạt vào đây, em sẽ chăm sóc bộ râu cho, như thế râu sẽ ra râu, rìa sẽ ra rìa, nghĩa là rất hoành tráng, đường bệ”.

Nghe thế, tôi cười... Lập tức, thấy một ông râu ria ở trong gương cũng cười. Tôi lại cười cái ông trong gương, ông ta cũng lại cười trả lễ. Dường như ông ta không phải người của thời hiện đại, nhưng cũng không đến nỗi nào. Tôi dựa lưng vào ghế, khoan khoái nói với chú thợ đang loay hoay cột chiếc khăn trắng vào cổ:

“Nếu được vậy, tốt quá. Cảm ơn chú. Từ nay, râu ria tôi giao hẳn cho chú đấy”.

Chú thợ xoay xoay chiếc kéo trong không khí, âm thanh nghe vui tai. Đó là quán tính nghề nghiệp, hề cầm đến chiếc kéo, chú phải “xấp xấp” tía lia như vậy:

“Dạ, để đây em lo. Chăm sóc râu không phải chuyện dễ. Ngạn ngữ nước Nga có nói: “Cạo râu là xóa hình ảnh của Thượng đế”, thế nên râu cần phải được bảo trì, chăm dưỡng bởi một tay chuyên nghiệp. Mà em... ông anh đã biết tay nghề rồi đấy. Ồ, tóc ông anh bị hói quá nhiều. Chú dùng mũi kéo kỳ cọ vào mảng da đầu hói của tôi nghe lạnh ngắt, đoạn nói tiếp - một triệu chứng của thông minh đang lan rộng xuống vành tai và gáy”.

Tôi che miệng ngáp một cái. Nghe nói đầu mình bị hói là tôi phải ngáp một cái. Ngáp chán chường về mình vì “Trên đầu già đến rồi”. Còn nhớ tóc mình hồi trung niên dày lắm, cứ dày bịt, cứng như đinh. Thời gian và hàm răng cá sấu của nó không tha cái gì. Đến cả cái tóc nó cũng xơi tái, nhưng dường như râu nó không dám xơi. Điều này kể cũng lạ. Tôi liền hỏi chú thợ hót: “Chú này, tóc tôi cứ thưa dần rồi phủ trắng, nhưng râu càng ngày càng sum suê, mạnh mẽ là nghĩa lý gì? Có vấn đề gì không?”.

Chú thợ hót bỏ chiếc kéo, với lấy chiếc tông đơ điện, nói:

“Điều này dễ hiểu. Nhà văn Giả Bình Ao bên Trung Quốc có giải thích, đại ý: Tóc không mất đi đâu cả, do đầu bị hói, nó mọc lên đỉnh đầu không được, buộc nó phải đâm xuống cằm, thế nên râu mới rậm dần. Cái râu cái tóc là góc con người, nhưng xem ra râu có hậu vận thịnh vượng hơn tóc. Thế nên, đặc biệt ở ta, trong ngôn ngữ phải nói trật tên cúng cơm của râu, cho râu khỏi bệnh đau, cho râu được mạnh giỏi, trường tồn”.

Chú hót tóc hạ chiếc ghế ngã ra sau một chút, tôi ngã lưng, duỗi chân:

“Chú nói, tôi chẳng hiểu gì cả?”.

Tôi nghe tiếng chiếc tông đơ điện chạy re re hai bên mang tai. Chú thợ hót lại nói:

“Dễ hiểu thôi mà, ông anh. Ví như, râu mọc từ hai mang tai tấn công tùm lum xuống quai hàm và cằm, nom cứ như dân Tây hay dân Ả Rập Xê-Út, ngoại lai bỏ mẹ, thế mà lại gọi cái tên cực kỳ bản sắc truyền thống dân tộc là “Râu quai nón”. Còn râu chích bẹt ra hai bên mép, vênh trét lên, trông đều và hắc ám, lại có cái tên rất chất phác nhà quê là “Râu ngạnh tre”. Quai nón, quai thao, ngạnh tre, ngạnh lóc... cái quái gì? Dạng râu ông anh là râu Tây chính ngạch, không phải râu Ta, loại này quý hiếm lắm. Ngạn ngữ xứ Ả Rập có nói: “Mỗi người làm chủ râu của mình”, như thế đủ biết râu cũng là một tài sản tâm cơ đấy. Cần phải giữ gìn”.

“Thế à”.

“Ờ bên Nga, có dạo Nga hoàng ban lệnh cấm toàn thể đồng bào không được để râu dài quá 1 thước. Ngài lo sợ cho dân râu dài quá một thước, rất có thể bị vấp râu mà té trong lúc đi...”.

“Thế à”.

“Ông anh có ngoáy tai không?”

“Thế à”.

“Được rồi, em sẽ ngoáy. Râu là biểu tượng của sự khôn ngoan và thông thái, thế nên ông anh đừng cho nó rối chẳng rối chịt nhé. Ông anh nên mua một chiếc lược nhỏ xíu, có gắn que giắt túi mạ vàng, trông cứ như cây bút máy, mà chải râu cho suôn sẻ, thẳng thớm. Được vậy, ông anh sẽ y như nhà thiên văn học Ga-li-lê xứ Ý Đại Lợi đã can đảm giữ vững lập trường rằng: Tuy vậy, địa cầu vẫn cứ xoay quanh mặt trời”.

“Thế à”.

“Đúng vậy, thưa ông anh. Những người giỏi giang thông thái phần nhiều râu ria rậm rạp cả. Điều này cất nghĩa tại sao phụ nữ phần đông không ưa râu ria”.

Lúc này, chú thợ hớt dựng chiếc ghế dậy. Tôi tỉnh ngủ hẳn, tay lại che miệng ngáp một cái lê thê. Ô, trong gương có một lão khác hẳn. râu dài thòng nhưng đầu ra đầy, tóc tai gọn gàng sạch sẽ, thần thái sáng láng. Tôi hài lòng lắm. Tôi nhớ loáng thoáng lời nói của chú ta hồi nãy, liền hỏi:

“Vừa rồi chú nói câu gì?”.

“Phụ nữ đa số ghét râu ria”.

“Tại sao?”.

“Tại vì những người râu ria đều thông thái”.

Nghe vậy, tôi cười:

“Như thế, tôi thuộc dạng thông thái à? Lại bị phụ nữ không ưa à”.

“Chớ sao. Được cái này, mất cái kia. Mà ông anh làm nghề gì?”.

“Nhà văn”.

Chú thợ hớt tắt ngay tông đơ điện, giọng trầm trồ:

“Nhà văn à? Quá tuyệt!”.

“Tuyệt cái nỗi gì? Đói bỏ xừ!”.

Chú thợ hớt lại bật tông đơ điện, sửa tóc sau gáy:

“Đói của nhà văn khác đói của nhà nghèo. Nhà nghèo đói cơm, đói áo; nhà văn đói danh, đói tiếng. Ngài H. de Montherlant có nói: “Nhà văn không nuôi mình bằng thịt heo, thịt gà mà bằng lời ca tụng”.

Nghe thế, tôi nín thinh. Nhà văn quả là nghiệp báo. Đột nhiên, tôi nhớ đến tính nguyên tắc cứng ngắt của chú thợ hớt, tôi hỏi:

“Nay chú vẫn duy trì nguyên tắc còi hự đấy chứ?”.

“Sao không? Còi vẫn còn mà. Đấy là nguyên tắc tốt, nguyên tắc đúng giờ. Tôi học được của thầy tôi đấy”.

Tôi ngạc nhiên:

“Thầy dạy hớt tóc à?”

Chú thợ hớt hăng hái:

“Không. Ông ấy là thầy dạy chữ hồi trung học, thầy tên Giàu, dạy văn. Đến tiết thầy Giàu giảng bài hay lắm, ví dụ thầy đang dự định nói đến hai tiếng tự do, nhưng vừa nói tiếng “tự” thì gặp lúc chuông xỏ trống hết giờ, thầy lập tức ngậm miệng lại ngay. còn tiếng “do” giờ đó tuần sau, thầy sẽ nói tiếp”.

Tôi xoay xoay cần cổ kêu rắc rắc:

“Ôi trời! Thầy trò ngang cựa. Nhưng mà này, thế “chuyện kia” chú cũng nguyên tắc vậy à?”

Chú thợ liền gắt:

“Chuyện “kia” xảy ra ngoài giờ lao động, cần chi nguyên tắc. Em góp ý ông anh nên thường xuyên gội râu, nếu không sẽ sinh bọ chét đấy”.

“Nhớ rồi.

Tôi liếc thấy có quyển Mái Tây trên mặt quày, liền hỏi:

“Chú đọc sách của Vương Thực Phủ à?”.

Nghe vậy, chú thợ hớt đột ngột vui vẻ:

“Tuy sách là của Vương Thực Phủ nhưng Kim Thánh Thán có viết ké vào dưới hình thức “Lời dẫn truyện và bình”. Em chỉ đọc Kim Thánh Thán thôi”.

Tôi nói:

“Ông ta hay lắm đấy”.

Chú thợ hớt cười:

“Ông anh khen ngài Kim Thánh Thán văn hay chẳng khác nào khen Đức Phật là giỏi đạo đức”.



Tôi nín thình. Chú thợ hớt hạ cốt ghé thấp hơn nữa. Tôi hoàn toàn nằm dài. Chú bắt đầu ngoáy tai. Chú không dùng cây ngoáy bằng kim loại mà chỉ dùng cây bông nhúng ướt để xoay tròn trong lỗ tai. Ngoáy như thế này rất an toàn cho tai. Tôi hài lòng lắm. Chú thợ hớt nói:

“Ngày xưa, có lần ngài Kim Thánh Thán đi thi tú tài, đề mục thi viết bốn chữ. Bài của ngài như sau: “Xuất kỳ Đông môn, Tây Tử bắt lai/ Xuất kỳ Nam môn, Tây Tử bắt lai/ Xuất kỳ Tây môn, Tây Tử bắt lai/ Xuất kỳ Bắc môn, Tây Tử bắt lai/ Tây Tử lai hồ?/ Tây Tử lai hồ?”.

“Là sao?” – tôi hỏi.

Chú thợ đáp:

“Đi ra cửa Đông, Tây Thi không đến/ Đi ra cửa Nam, Tây Thi không đến/ Đi ra cửa Tây, Tây Thi không đến/ Đi ra cửa Bắc, Tây Thi không đến/ Nàng có đến không?/ Nàng có đến không?”.

Tôi nói:

“Bài văn lạ kỳ”.

Chú thợ lại nói:

“Thầy giáo chấm thi đọc thích quá, liền hạ bút phê: “Trí chi nhất đẳng, vô thị lý dã/ Trí chi nhị đẳng, vô thị lý dã/ Trí chi tam đẳng, vô thị lý dã/ Trí chi tứ đẳng, vô thị lý dã/ Tú tài khứ hĩ/ Tú tài khứ hĩ”.

“Là sao?” – tôi lại hỏi.

Chú thợ đáp:

“Xếp bài hạng nhất, thật là vô lý/ Xếp bài hạng nhì, thật là vô lý/ Xếp bài hạng ba, thật là vô lý/ Xếp bài hạng tư, thật là vô lý/ Tú tài trượt rồi/ Tú tài trượt rồi”.

Tôi cười:

“Bài phê của giám khảo lại hay hơn bài của Thánh Thán”.

Chú thợ cũng cười:

“Thầy bắt chước nhại lại bài của trò đấy mà”.

Lúc này có một ông khách đi vào hớt tóc. Thấy ông ta vào, tôi liền nhìn vào đồng hồ đeo tay của mình: 11 giờ 15 phút. Tôi thật sự lo cho ông ta, vì gần đến giờ còi hụ.

Chú thợ hớt dựng ghé thẳng đứng. Chú dùng khăn ướt lau mặt, rồi chải lại tóc và râu của tôi.

Chú bóp bóp hai bắp vai của tôi và nói cộc lốc:

“Xong”.

Tôi đứng dậy, ra khỏi ghé. Ông khách lạ liền ngồi vào. Tôi ái ngại nhìn ông ta, nhưng vẫn không nói gì. Tôi trả tiền và đi ra khỏi tiệm. Đột nhiên, tôi cảm thấy tội nghiệp ông khách quá chừng, chắc chắn ông ta sẽ được chú thợ hớt cho mượn cái mũ mà đội về, vì tóc hớt dở dang...

## Tôi cầm bút khi đã mỗi tay cày

### Tuổi Trẻ

TT - Một trong hai “trạng nguyên” của cuộc thi truyện ngắn báo Văn Nghệ lần này có thể làm công chúng văn chương ngạc nhiên: nông dân Ngô Phan Lưu ở Phú Yên (với hai truyện ngắn *Buổi sáng biến mất* và *Cơm chiều*).

CTV báo *Tuổi Trẻ* đã trò chuyện ngắn với “lão nông” Ngô Phan Lưu ngay khi kết quả cuối cùng được công bố.

\* Trong 22 tác giả vào vòng chung khảo, ông là người duy nhất có hai tác phẩm và đã được trao một trong hai giải nhất. Cảm giác của ông thế nào?

- Vui mừng như gặt được một vụ mùa bội thu. Tôi đã cầm cùi viết cả năm nay và gửi dự thi tám truyện ngắn. Tôi chỉ hi vọng có một cái giải nho nhỏ để bù lại đam mê và khó nhọc của mình, không ngờ...

*\* Dù năm nay đã 62 tuổi, nhưng tên tuổi của ông vẫn còn rất “trẻ”. Hỏi thật, ông cầm bút từ bao giờ?*

- Tôi có mấy chục năm làm ruộng. Tôi bắt đầu cầm bút khi đã mỏi tay cày. Cách đây 10 năm, tôi đánh dấu ngã rẽ của mình từ công việc đồng áng sang chữ nghĩa văn chương bằng tập thơ *Bếp lửa chiều đông*.

*\* Một tập thơ khởi động cho một cây bút truyện ngắn chẳng?*

- Đúng, những ngày nông nhàn, tôi vẫn mơ ước trở thành một thi sĩ, nên năn nỉ vợ cho phép bán con bò lấy tiền in một tập thơ ra mắt bạn bè. Thế nhưng, tôi sớm tỉnh ngộ bản thân không có “duyên” với nàng thơ, bèn chuyển sang viết truyện ngắn!

*\* Bước qua tuổi 60 mới cầm bút, theo ông, sớm hay muộn?*

- Nói thật, tôi cầm bút cũng không nằm ngoài ý đồ mưu sinh. Tôi có ba con lần lượt vào đại học, nhà có mấy sào ruộng thì làm sao nuôi nổi chúng. Tôi đã từng làm thêm nhiều nghề tay trái như chụp hình, mở sân trượt patin, bốc thuốc... đều thất bại thảm hại. Từ ngày chuyển qua cầm bút, tuy vẫn thiếu trước hụt sau nhưng đỡ vất vả hơn trước.

*\* Ở tỉnh nhỏ sống được bằng nghề văn sao ông?*

- Tôi vốn là nông dân mà, chịu “cày” dữ lắm. Ngày nào tôi cũng viết, chỗ nào tổ chức thi tôi cũng tham gia. Trước kia tôi viết tay, bây giờ sắm được dàn vi tính rồi đấy! Sướng nhất là có báo quen nào đặt hàng, tôi ngồi nửa buổi là có cái tạp bút ngay.

\*\*\*

*\* Nhà văn Dạ Ngân, thành viên ban chung khảo, nhận xét về hai truyện ngắn được giải của ông rằng: “Viết về nông thôn như Ngô Phan Lưu là rất khó, ngắn mà đủ, gai góc mà nhân bản. Thế nhưng nhược điểm còn tồn tại là kết thúc kiểu đóng sập cửa, không để lại dư ba”. Ý kiến riêng của ông về đánh giá trên?*

- Tôi là một người chịu khó học hỏi. Tôi cũng nhận ra khuyết điểm ấy để viết những tác phẩm tiếp theo.

*\* Năm 2005, ông đã in tập truyện ngắn Người không giảng câu Kiều. Với giải nhất văn chương này, ông có dự định ra mắt cuốn sách nào mới không?*

- Có chứ! Tôi đã chuẩn bị bản thảo có tên gọi *Trần gian một khúc* (đã từng in trên báo Tuổi Trẻ Cuối Tuần) gồm những truyện ngắn về đề tài nông thôn, được viết bằng kinh nghiệm và tâm hồn một nông dân miền Trung nắng gió!

*\* Một lần nữa xin chúc mừng ông, một lão nông chịu thương chịu khó chốn văn chương!*

## Làng quê thì mệnh mông

Đang ngồi nơi ban công cà phê Con Nhóc, Cơ đề nghị với Thái:

“Tìm nhà Xuyên Thơ Râu thăm nó chút. Đã tháng nay không thấy xuống phố.”

Nghe thế, Thái tròn mắt nhìn Cơ. Thái tròn mắt vì Thái cũng định đề nghị như thế với Cơ. Anh nhìn chăm chăm vào mặt bạn, muốn chờ nghe nói nữa, nhưng Cơ không nói nữa. Thái im lặng nhìn xuống lòng đường tấp nập xe, người. Đường phố quả là một dòng chảy. Gặp đèn đỏ dòng chảy ngừng lại chốc lát... đèn xanh lại chảy tiếp. Cứ thế, ngày đêm... Thái lại nhớ đôi mắt của

Xuyên Thơ Râu. Đôi mắt khi nhìn ai cũng lấp lánh dò xét, cân nhắc và quyết định như đã từng quyết định.

Một loại mắt của thói quen di truyền. Thái thôi nhìn đường phố, ngẩng mặt:

“Đi ngay. Chỉ có sáng nay là rảnh.”

\*\*

Đang phóng nhanh, Cơ đột ngột giảm tốc Honda, anh thấy phía trước có người ngồi vệ đường chặn bò. Anh thắng xe sát cạnh:

“Cho hỏi thăm, làng Cư An gần đây không?”

Người chặn bò giật mình, để vành nón lên, nhìn Cơ và Thái đang ngồi trên xe. Ánh mắt ông ta hiện rõ sự dò xét và cân nhắc. Thái suýt giật thót, đấy là ánh mắt của thằng Xuyên Thơ Râu!

Cơ lặp lại câu hỏi đàng hoàng hơn:

“Thưa ông, tôi hỏi thăm làng Cư An có gần đây không ạ?”

“Các anh tìm ai?”

“Tìm anh Xuyên râu... nhà thơ.”

“Các anh mua thơ à?”

“Không. Chỉ là bạn quen, nhưng chưa biết nhà.”

“Ở đây nhiều làng Cư An lắm... Cư An Nguyễn, Cư An Trần, Cư An Đỗ, Cư An...”

“Xuyên râu họ Trịnh.”

“Thế là Cư An Trịnh.”

“Có liền nhau không?”

“Có đấy.”

“Vậy nằm ở đâu?”

“Đấy”, người chặn bò chỉ chiếc roi mây về phía trái con đường. “Đấy, một dãy xanh xanh tre lá ấy.”

“Có đường vào không, thưa ông?”

“Đi một đoạn nữa sẽ thấy đường bờ vùng rẽ vào.”

“Cám ơn.”

Cơ giậm số, phóng xe. Thái ngồi sau, nói:

“Thằng cha này...”

Thái bỏ lửng câu nói. Cơ im lặng lái xe, anh đảo mắt về phía trái để kiểm con đường vào làng, nhưng chạy mãi có đến mười phút vẫn không thấy! Cơ chợt nhận ra “một dãy xanh xanh tre lá ấy” ở phía sau lưng mình rất xa. Cơ nói:

“Quay xe lại, hỏi lão ta lần nữa xem sao.”

Thái đồng tình:

“Đúng đấy.”

Cơ quay xe, chạy ngược lại để gặp người chặn bò. Người chặn bò vẫn còn ngồi đó. Vành nón lá sụp xuống mặt. Cơ lại thắng xe sát ông ta:

“Không thấy con đường bờ vùng nào cả, thưa ông.”

Ông ta ngược lên nhìn chăm chú, mắt e dè, thủ thế, nhưng đặc biệt không sợ sệt mà đầy ma mãnh:

“Quên khuấy! Các anh phải đi ngược lại như thế này chứ.”

“VẬY ĐI NHƯ THẾ NÀY ĐÚNG CHƯA?”

“Đúng.”

“Nhưng con đường rẽ vào làng An... Xin lỗi... làng Cư An nằm phía tay nào?”

“Ban nãy tôi chỉ các anh phía tay nào?”

“Phía tay trái.”

“VẬY, PHÍA TAY TRÁI.”

“Nếu thế, làng nằm bên này đường, đâu phải bên kia?”

“Anh muốn bên này à? Đúng thế, bên này đường.”

“Ông có phải người làng Cư An không?”

“Các anh hỏi chi!”

“Thôi, xin cảm ơn.”

Cơ lại phóng xe, chạy đã quá năm phút vẫn không thấy hai bên có con đường bờ vùng nào cả!

Thái bực dọc:

“Thằng cha chặn bò quái! Hấn chơi xỏ mình! Tôi nhớ là...”

Thái lại bỏ lửng câu nói, nhưng đột nhiên lại la lên:

“Đằng trước có phụ nữ rồi. Hỏi phụ nữ là chắc cú.”

Cơ nhìn thấy đằng trước có một phụ nữ mặc đồ chàm, dắt một con nghé gặm cỏ. Anh rà xe, thắng lại:

“Chị, cho hỏi thăm làng Cư An nằm chỗ nào?”

Chị ta ngược nhìn vào mắt Cơ và Thái. Thái giật mình. Ánh mắt của chị ta là ánh mắt của người chăn bò ban nãy.

“Cư An nào?”

“Cư An Trịnh...”

“Không có.”

“Thế thì Cư An Võ, Cư An Trần...”

“Không có nốt.”

“Tại sao?”

“Không có làng Cư An nào ở đây cả.”

“Thế, chị biết anh Xuyên ở đây không?”

“Nhiều Xuyên lắm.”

“Xuyên râu quai nón?”

“Râu quai nón cũng nhiều lắm.”

“Xuyên làm thơ đó?”

“Thơ ở đây cũng nhiều lắm.”

“Xin cảm ơn chị!”

Dứt lời Cơ bực bội vọt xe. Thái suýt ngã, vội ôm lưng Cơ. Trên đường xe chạy xuôi, ngược, không có ai đi bộ cả. Đột ngột Cơ reo lên:

“Có đường bờ vùng rẽ rồi.”

Nghe thế, Thái nhìn sang hai bên. Quả nhiên, bên phải có một con đường nhỏ, lát bê tông xi măng dẫn vào nơi “xanh xanh tre lá” như người chăn bò hồi nãy bảo.

Quyết định không cần hỏi thăm ai nữa, Cơ rẽ xe vào. Gió nam quét mặt đường sạch tưng. Làng quê mà đường sá thế này quả là khang trang. Nhưng khi hai người đã vào làng, đường sá chỉ là đường đất. Đường rất ngắn, hẹp, liên tục rẽ trái, rẽ phải, ngã ba... Hai bên đường liên u bất tận nào tre là tre toả bóng. Gió nam giãy vò những cành tre kêu ken két...

Thái lo lắng:

“Cẩn thận nào, Cơ! Bánh xe lủng gai là tiêu đời. Ở đây không chỗ vá đâu. Quái lạ! Làng vắng hoe, chả thấy người.”

Cơ nói, giọng chắc nịch, như mình đã từng sống ở đây:

“Họ đi làm đồng cả rồi. Đây đúng là làng Cư An.”

“Sao biết?”

“Không phải Cư An, mình vào chi trong này?”

“Bệnh lão chẵn bò đấy!”

“Bệnh gì?”

“Nó đã lây sang anh! Mà này, anh có nhớ đường ra khỏi làng không?”

“Không nhớ. Đường như bàn cờ.”

Quả thật, giờ này Thái và Cơ đang ở trong bàn cờ. Nhưng vấn đề không phải là ra khỏi làng, mà là tìm nhà Xuyên Thơ Râu.

Cơ chạy xe chậm, chú ý tránh né gai tre nơi lòng đường. Chó sủa vang.

Nhà nào cũng nuôi chó. Có nhà, chó phóng ra cả đàn, nhỏ, to, đực, cái đều có... Lạ thật, đặc biệt chúng không đuổi theo. Chúng coi nhà, không bỏ nhà chạy rông. Chó vẫn sủa dữ dội...

Thái bảo:

“Đi ra ngay. Không kiếm nhà Xuyên nữa. Vô ích.”

“Chỉ tôi đường ra nào?”

Thái nghe Cơ gắng lại, anh ta nín thinh. Xe phải chạy chậm vì đường có quá nhiều lối rẽ, hơn nữa tầm nhìn bị tre che khuất. Tre ọ là tre, sao mà nhiều thế. Đây quả là một làng tre!

Thái than:

“Chạy mãi, vô vọng thế này, hết xăng phải đổ nước mắt vào. Ô kìa, có thằng bé cõng em đằng trước kia.”

Cơ cũng thấy thằng bé và đang chạy xe đến. Thằng bé khoảng 12 tuổi, đen nhẻm, đang cõng đứa em thò lò mũi xanh.

Cơ thắng xe và tắt máy. Thằng bé tròn mắt nhìn Cơ và Thái từ đầu đến chân.

“Cháu cho bác hỏi...”

“Hỏi gì?”

“Hỏi nhà chú Xuyên chỗ nào?”

“Xuyên gì?”

“Xuyên râu quai nón đó.”

“Quai nón gì?”

“Cháu biết râu quai nón không?”

“Không.”

Thái chen vô:

“Râu quai nón là râu từ hai lỗ tai phủ xuống cằm đó.”

“Biết.”

“Thế ở đâu?”

“Ờ trên mặt.”

“Không. Nhà chú Xuyên cơ, chú Xuyên có râu trên mặt đó.”

“Xuyên gì?”

“Mô phật! Gặp cháu là không ổn rồi!”

“Ổn gì?”

Thái thở dài, vâng vê sợi râu mép. Đàn chó của nhà hai bên đường thấy Cơ và Thái đứng với thằng bé là người chúng quen, nên không sủa nữa.

Thái hỏi tiếp:

“Nhà cháu ở đâu?”

“Xa lắm.”

“Xa là ở đâu?”

“Làng bên kia.”

“Cháu làm gì ở đây?”

“Cõng em chơi.”

“Chú Xuyên râu quai nón phải bỏ cháu không?”

“Không.”

“Thế chú ấy là gì với cháu?”

Thằng bé ngược nhìn chăm chăm vào mặt Thái, hai mắt lác liên đầy vẻ sợ sệt và thận trọng.

“Chú Xuyên là gì với cháu?”

“Chú Xuyên là Người nên cháu không biết.”

“Thế cháu biết gì?”

“Bò, Chó, Cá và thả diều.”

“Mô phật, gặp cháu quả là không ổn rồi!”

Cơ ngồi trên xe, cười ngất. Anh nói với Thái:

“Chúng ta hút thuốc thư giãn đi.”

Tôi chắc rằng lão chặn bò, chị chặn bò, cả đến thằng bé này... đều là người làng này. Dân chính cống làng này. Cư An... Cư An...

Thái đi lại xe, anh thúc cùi chỏ vào hông Cơ:

“Chạy đi. Chạy đi kiếm người mà hỏi nữa! Kia... Có cụ già kia kia... Vào nhà hỏi trẻ nhỏ, ra ngõ hỏi cụ già...”

Lúc này, một cụ già chột gậy bước tới. Lưng cụ khòm, đầu lại ngược lên trông như con đà điểu.

Cơ dựng xe, bước xuống:

“Thưa cụ, cho hỏi thăm nhà anh Xuyên?”

“Xuyên nào?”

“Xuyên râu quai nón đó.”

“Anh ta cạo nhẵn thín rồi.”

“Sao vậy?”

“Phát tâm Bồ Đề đi tu rồi!”

“Sao? cụ nói sao? đi tu rồi à?”

“Tu rồi.”

“Chùa nào vậy?”

“Chùa nào trời biết!”



“Anh Trịnh Xuyên đó chứ? Thưa cụ.”

“Trịnh Xuyên à? Nếu Trịnh Xuyên thì ở đây làm gì có.”

“Thế ở đây có Xuyên gì?”

“Võ Xuyên.”

“Có râu quai nón không?”

“Đã bảo cạo nhẵn thín rồi. Các anh lời thôi quá!”

“Xin cảm ơn cụ.”

Cụ già gật đầu, chấp nhận lời cảm ơn, và chọt gậy, lững thững đi tiếp.

Thái hỏi chú bé công em:

“Cháu biết ông già này không?”

“Không biết.”

Đột ngột, Thái chạy theo ông cụ:

“Thưa cụ, cụ biết cháu bé công em kia là con ai không?”

“Không biết.”

Cụ trả lời, chân vẫn cứ đi mà không ngoái lại.

Thái trở lại chỗ Cơ, anh nhìn bạn rồi lắc đầu! Cơ nhìn lại, mỉm cười, cũng lại lắc đầu!

Cơ nổ máy xe, lại lái chạy rẽ phải, rẽ trái. Gặp một chị phụ nữ đi ngược chiều, ôm bó rau muống.

Anh dừng xe. Chị phụ nữ nhìn chăm chăm vào hai người, mắt chị ta không nháy. Cũng loại ánh mắt dò xét, cân nhắc, rồi quyết định như đã quyết định.

“Chị cho hỏi thăm nhà anh Xuyên?”

“Xuyên nào?”

“Xuyên đi tu.”

“Nhiều Xuyên lắm.”

“Trịnh Xuyên đó.”

“Thế là đi tu rồi.”

“Tu chùa nào?”

“Chùa một cột.”

“Ồ trời! Anh ta không đi tu à?”

“Đã bảo đi tu rồi.”

“Chùa một cột ở đâu?”

“Ai biết ở đâu!”

“Chị cho hỏi thăm đường ra khỏi làng?”

“Đi mãi thì ra.”

“Chúng tôi muốn ra đến con đường xi măng bê tông.”

“Thế thì đi theo hướng mặt trời.”

“Nếu đến chiều không ra được... Thì đi ngược hướng mặt trời.”

“Xin cảm ơn.”

“Chuyện nhỏ mà.”

Lúc này 9 giờ sáng. Cơ lái xe về hướng mặt trời, nhưng con đường làng cứ rẽ ngang rẽ dọc, nhiều lúc phải đi hướng ngược mặt trời. Đường như các con đường đều dẫn lòng vòng vào trung tâm làng.

Thái lau mồ hôi trán:

“Không cần biết hướng mặt trời, cứ rẽ trái, rẽ trái mãi... Thế nào cũng ra khỏi. Nhớ trái... trái suốt nhé...”

Cơ nghe lời, cứ lái xe rẽ trái. Quả nhiên, một chập ra khỏi làng. Ra được khỏi làng, nhưng không gặp con đường bê tông xi măng, mà tiến vào một nghĩa địa.

Thái bảo:

“Chạy luôn vào nghĩa địa. Nghĩa địa lúc nào cũng bên ngoài làng. Ra nghĩa địa là đã bỏ làng. Ôi! khỏe quá!”

Đây là một nghĩa địa nhỏ, có lẽ chỉ dành riêng cho làng này. Thái và Cơ thấy một bà già đang vái hương nơi ngôi mộ mới xây. Hai anh dựng xe và đi bộ lại.

Thái nói với bà cụ:

“Chào cụ bà.”

“Chào cháu.”

“Anh Xuyên râu quai nón mới chết tháng trước, có chôn nơi đây không ạ?”

“Xuyên râu quai nón?”, cụ bà vỗ vỗ trán, chặc lưỡi, “À, đúng là nó chết rồi! Tội nghiệp, chỉ thổ tả sơ sơ mà chết! Nhưng không chôn ở đây.”

“Thế khôn ở chỗ nào?”

“Các cháu hỏi chi?”

“Hỏi để thấp nhang.”

“Chôn ở phía vợ.”

“Phía vợ ở đâu?”

“Bà cũng không rõ!”

“Cháu xin cảm ơn bà.”

“Ờ.”

Hai người trở lại xe. Thái nói:

“Đến cả chết rồi, cũng không chịu chỉ mả!”

Cơ cãi:

“Thằng Xuyên chưa chết, biết mả đâu mà chỉ!”

Thái cười sằng sặc:

“Ra thế!”

Từ nơi nghĩa địa, một vùng độ cao thoáng đãng, tầm nhìn không còn vướng các lũy tre nữa, Cơ thấy con đường bê tông xi măng nằm phía bên trái. Thái và Cơ thở phào, lại lôi thuốc ra hút để thư giãn.

Khi cụ bà đi ngang qua, Thái hỏi:

“Cụ về ạ?”

“Ừ.”

“Nơi đây có phải làng Cư An không?”

“Cư An nào?”

“Thế đây làng nào?”

“Làng Tư Ngụy.”

Nghe vậy, Cơ vỗ đét vào đùi Thái:

“Không có làng Cư An. Thằng Xuyên nói láo!”

Thái cũng vỗ đét vào đùi Cơ:

“Còn làng Tư Ngụy là thật à?”

Mặt Cơ đột nhiên lơ láo, trông thật thảm hại.

Thái nói vui vẻ:

“Thôi, quên đi! Nghĩa địa nằm bên ngoài làng, hãy quên bém cái Cư An hay Tư Ngụy ấy đi. Vấn đề cấp bách là phải rời nghĩa địa, để kiếm chút gì lai rai tấy trần...”

Thái hích vào bụng Cơ, ngoáy ngoáy rồi cả hai cùng cười toáng lên. Cơ nổ máy xe, giơ tay vẫy vẫy chào “một dãy xanh xanh tre lá”, nói lớn:

“Chào!”

Đoạn anh hôn “chụt” vào bàn tay mình rồi quăng nó ra xa...

## Nhà văn Ngô Phan Lưu không bao giờ tuyệt vọng Dương Tử Thành

*Viết và trả lời phỏng vấn đều từng từng theo kiểu “hỏi xoay đáp xoay”, nhưng trong tầng sâu từng câu chữ, ẩn sau vẻ hài hước, sau những đối thoại sắc lém của Ngô Phan Lưu là một tấm lòng đôn hậu thương yêu con người.*

Hết cơn bĩ cực tới hồi thái lai

- Ông từng thích gọi là cây bút hơn là nhà văn, bây giờ sở thích ấy có còn hay đã quen với hai từ nhà văn rồi?

- Bây giờ gọi “cây bút” hay “nhà văn” cũng đều được. Nhưng trong tầng sâu, tôi vẫn thích được gọi là “cây bút” hơn. Bởi vì “cây bút” thế nào cũng có ngày hết mực, và cây bút sẽ thôi làm cây bút. Tốt. Còn nhà văn luôn mãi ngoan cố nuôi ảo tưởng làm nhà văn. Dở.

- Người ta vẫn ví Phú Yên như một ốc đảo yên lành, được sống trong ốc đảo ấy với những người dân quê hiền lành chân chất dường như chính là “thiên đường” của Ngô Phan Lưu cả về đời sống và văn học?

- Đâu có ai ví Phú Yên như một ốc đảo yên lành, nhưng nay ví mới tinh như thế cũng được. Còn những người dân quê hiền lành chân chất thì nay cũng không như thế nữa rồi. Quê hương, tôi luôn yêu mến và cố gắng phụng sự. Quê hương nay cũng khá giả và mỹ miều, nhưng đó không phải là “thiên đường”, vì thiên đường không có trên quả địa cầu này. Còn nếu tôi cố tình buộc nó phải là thiên đường thì tôi không phải là nhà văn nữa rồi.

- Ông từng là một blogger khá nhiệt tình trong làng văn, nhưng lâu nay không thấy ông xài blog nữa?

- Hồi mới lập blog thì hăm hở lắm, nhưng nay chán rồi và dứt khoát bỏ luôn. Lý do quá hao thời gian và chẳng được cái tích sự gì. Nhiều khi lại rách việc.

- Ông có phàn nàn gì về cuộc sống hiện tại?

- Phàn nàn cuộc sống hiện tại của mình với ai? Họ có giúp đỡ mình không? Còn phàn nàn với vợ con hoặc chính mình thì càng dở tệ. Và lại, phàn nàn ích lợi gì? Thế nên, tôi không phàn nàn. Có khó khăn, khổ sở thì luôn gắng vượt qua, lại càng không bao giờ tuyệt vọng.

- Nhưng đôi khi viết văn cũng là một cách phàn nàn?

- Viết văn, cho dù viết về phàn nàn, cũng không phải là phàn nàn. Tầng sâu của nó luôn là lột tả để hiểu sâu hơn về con người và đời sống.

- Ông chưa bao giờ tuyệt vọng, ngay cả trong những giai đoạn khó khăn nhất trong cuộc đời?

- Đúng vậy. Tôi luôn tâm niệm điều Phật dạy: “Phá sản lớn nhất của đời người là tuyệt vọng”. Thế nên, tôi không tuyệt vọng ngay trong những giai đoạn khó khăn nhất của cuộc đời.

- Điều gì đã cho ông niềm tin để có một thái độ sống vững vàng như vậy?

- Tôi tin điều dân gian truyền lại: “hết cơn bĩ cực, tới hồi thái lai”. Tin nơi quy luật thiên nhiên: đông tàn xuân đến. Tin vào đạo đức: ở hiền gặp lành... Những điều ấy đã giúp tôi sống vững vàng không áy náy.

- Có điều gì khi còn trẻ chưa làm được khiến ông tiếc nuối?

- Tôi tiếc nhất lúc còn trẻ mình lại ham chơi, không học cao được. Nay già rồi thấy uổng quá.

- Ông từng có những trăn trở rất hay về ký ức trong tạp văn “Ký ức loanh quanh”, hiện tại ký ức có vị trí thế nào với ông?

- Ký ức rất quan trọng đối với tôi. Có thể nói nó là một cái mỏ mà tôi khai thác hằng ngày. Trong cái mỏ ấy, đủ thứ thượng vàng hạ cám và rối tinh như cái rổ may của bà ngoại. Nhưng tôi quý nó lắm.

Nếu phát hiện được thì không phải là số phận

- Có lẽ năng lượng văn chương luôn tiềm ẩn trong mỗi con người, và nó phát lộ ở thời điểm nào trong đời là tùy vào cái duyên của mỗi người, ông có thể nói một chút về cái duyên ấy của mình?

- Tôi sa vào văn chương, cũng một phần do đọc sách nhiều. Ghiền đọc sách tai hại như thế. Một phần cũng do buồn quá nên viết để tiêu thời gian. Buồn phiền cũng tai hại không kém. Lại cũng có mục đích kiếm ít tiền. Chỉ có điều này là không tai hại, nhưng chúng lại ít quá. Theo tôi, dính vào văn chương là cái nghiệp, chứ không phải cái duyên. Nói cái duyên để cho đẹp thể thôi. Duyên gì ở đấy. Lao tâm khổ trí, tiền bạc ít ỏi, mà lệch lạc một cái là sinh “to chuyện” ngay. Biết vậy, nhưng không thể thoát khỏi cái nghiệp chương ấy. Đành vậy.

- Ông từng nói “nếu phát hiện số phận đánh lừa mình thì sẽ... đánh lừa lại số phận”, đến nay ông đã phải làm điều đó chưa?

- Úi trời, đúng là có lần tôi đã nói như thế, lâu rồi. Nhưng từ ấy đến nay, tôi chưa phát hiện được số phận đánh lừa mình. Có lẽ đến khi xuống lỗ tôi vẫn không phát hiện được. Vì nếu phát hiện được thì nó không phải là số phận nữa rồi. Nay tôi hiểu thêm điều ấy, và câu nói cũ của tôi đã mâu thuẫn từ căn bản. Khốn đốn quá, bực mình quá mà nói gặng thế thôi. Nhưng dù sao, đó cũng là dấu ấn của một nghị lực đáng quý.

Có khi nào ông nghĩ cái nghiệp văn chương của mình cũng là một... trò đùa của số phận?

- Như trên nói rồi. Đã là số phận thì làm sao mình phát hiện đó là trò đùa, cho dù mình đang ở trong trò đùa. Thôi thì cứ coi văn chương là số phận của mình. Không ca thán.

- Ông từng dành hẳn một truyện ngắn để triết lý về bộ râu của mình, nó nói lên điều gì về Ngô Phan Lưu ngoài việc ông... có một bộ râu đẹp?

- Do tôi thích râu nên mới để râu. Người ta đã nhìn quen mắt, mà cũng khen, thế cho nên tôi không cạo. Râu nó nói to lên rằng chủ nó đã già. Chủ nó là đàn ông. Nó nhắc nhở mình như thế để mình khỏi quên. Thế là tốt lắm.

- Cũng trong một truyện ngắn ông đã cho nhân vật nhà văn nam khi được hỏi cảm tưởng về các nhà văn nữ nói rằng “thích tác giả hơn tác phẩm”, còn ngoài đời ông đánh giá các nhà văn nữ thế nào?

- “Thích tác giả hơn tác phẩm” là việc xảy ra trong truyện ngắn đậm chất hư cấu về cảm tưởng đối với nhà văn nữ. Còn ngoài đời tôi luôn tôn trọng cả hai.

- Điều dễ nhận thấy trong các truyện ngắn của Ngô Phan Lưu là mô tuýp những giấc mộng, ông thường cho nhân vật của mình thoát ly hiện thực bằng cách đẩy họ vào những cơn mơ, còn tác giả của nó ngoài việc thoát ly đời sống bằng các... nhân vật có còn cách nào khác?

- Không có chuyện các nhân vật thoát ly hiện thực bằng các giấc mơ. Giấc mơ chỉ là một biện pháp nghệ thuật vô cùng thoải mái cho ngòi bút để khắc họa tinh thần nhân vật. Cũng không có chuyện tác giả thoát ly đời sống bằng các nhân vật. Nhân vật cũng là một biện pháp nghệ thuật để thám hiểm cuộc sống. Một con người đang sống không thể nào thoát ly đời sống cho dù trong vài phút. Vì sự thoát ly ấy cũng chính là đời sống. Mỗi con chữ như một người lính.

- Trong các tác phẩm của ông, con người thường hay bị lên án, bị chê ác không bằng loài vật, thậm chí không bằng những vật vô tri, phải chăng càng sống lâu thì người ta càng thấm thía những sự rất không ổn của loài người mà chính mình đang dự phần?

- Cái ác của con người thì rõ như ban ngày và càng ngày càng nhiều đến phát tởm. Điều này không cần sống lâu mới biết. Nó nhan nhản. Vậy làm sao cho con người bớt ác? Nếu có câu hỏi ấy, thì tôi cũng lọt thỏm trong câu hỏi ấy, vì tôi cũng ác như người khác, chớ đâu có hiền.

- Đọc những gì ông viết, người đọc dễ hình dung đến một ông già tai quái, ưa triết lý bắt bẻ. Còn ông, ông tự họa mình thế nào?

- Người đọc hình dung tôi thế nào cũng được, xấu hoặc tốt tôi cũng đều cảm ơn. Còn tôi thì tôi biết tôi không phải là người như anh vừa nêu. Tôi đơn giản quá, nên giống tai quái. Tôi ưa nói thẳng, nên giống bắt bẻ thế thôi. Tôi không tự họa mình được. Muốn biết, tôi phải soi gương, nhưng đó chỉ là cái bóng không thật.

- Ông lựa chọn viết ngắn để theo đuổi hay đó là cái tạng riêng của mỗi nhà văn?

- Cái tạng của tôi ưa viết ngắn. Và tôi cố gắng phát triển cái viết ngắn ấy thành ngắn hơn. Tôi quan niệm mỗi con chữ như một người lính. Chú nào không có nhiệm vụ cụ thể, thẳng tay cho xuất ngũ.

- Dường như ý tưởng đến với ông một cách tự nhiên và nhàn tản, có bao giờ ông cảm thấy bí để tài viết?

- Tôi luôn cố gắng vươn tới giản dị và chính xác. Chính giản dị và chính xác gây cho người đọc có cảm giác nó đến tự nhiên và nhàn tản. Còn việc bí đề tài vẫn thỉnh thoảng xảy ra. Thế nên, đôi lúc tôi phải viết về chính cái bí ấy để thoát bí.

\*\*\*

### Phụ đính:



### Trên cánh bay của chuông chùa

Nhà tôi gần chùa sư Bản. Đó là một ngôi chùa nông thôn nghèo, quanh năm vắng hoe.

Hàng ngày, tôi chặn trâu cắt cỏ, thường ghé tạt vào chơi...

Một hôm, tôi đùa sư Bản:

- Sư đã đến Niết bàn chưa?

Sư đang vá áo, vội ngừng tay, trả lời:

- Đến mãi... nhưng không ở lâu được.

Thật sự, tôi ngạc nhiên:

- Sư đến bằng gì?

Sư đáp:

- Trên cánh bay của chuông chùa.

Tôi vẫn cắt cỏ chặn trâu, một lần khác tôi hỏi sư:

- Sao sư không tụng kinh, cứ nện chuông hoài hoài?

Đang vo gạo, sư đáp:

- Kinh không có cánh.

Đột nhiên sư nhìn sững vào tôi, giọng như nghiêm trọng:

- Rồi anh cũng sẽ đi tu.

Tôi giật thót người, vì có cảm giác câu trả lời vừa rồi là mình nói, không phải của sư.

Hai đầu gối sư, cộm dày lên hai vết chai cứng. Hai vết chai thâm đen, hậu quả của sự quỳ gối lâu năm! Hai vết chai hình tròn, dấu ấn chứng minh đức kiên trì của sư.

Tôi sờ nắn hai vết chai ấy, lại đùa:

- Liệu “tâm” của sư có chai như đầu gối không?

Sư đáp:

- Đầu gối quỳ, tâm không quỳ.

Có một hôm, gặp sư cày ruộng, tôi buông tiếng:

- Bữa nay, “Tâm” của sư có nhà không?

Sư ngừng bò:

- “Nó” đang cày đây.

Tôi nín thinh. Lại nhớ có lần tôi lần thẩn đếm tiếng chuông của sư:

- Sao sư nện chuông đúng 108 tiếng giỏi thế?

Sư vẫn cày, nói vọng lên bờ:

- Xâu chuỗi Bò đề 108 hạt.

Trò chuyện với sư Bản thật dễ dàng!

Nhưng lạ thay! Sự dễ dàng ấy thật chẳng dễ dàng, nên nó mới dễ dàng! Lúc nào, tôi cũng thông suốt một cách bí rị! Nhưng có điều, tôi không được thanh thản như sư.

Ngày hôm qua, sư Bản nằm viện cắt ruột thừa. Yên lành cả! Ngày mai, tôi sẽ đem cháo, nước cho sư.

Đêm nay, thiếu vắng tiếng chuông chùa. Có thể, thiếu vắng cả tuần cũng nên. Tôi nằm nặng nề, không dậy nổi. Tôi mở mắt, nhìn sâu vào đêm đen. Hóa ra, trên những cánh bay của chuông chùa, không những sư Bản đã bay, mà tôi cũng bay, mà không hề biết....

## Một thoáng trưa hè

Út trai cụ Phiệt, nay 28, da trắng như trứng gà bóc, trán có vết bớt đỏ tròn như được xoay bằng com-pa, từ nhỏ đã mắc chứng quên nên được gia đình đặt tên là Nhớ, may ra, sau này có bớt quên chẳng! Nhớ cười suốt ngày, nhưng không thành tiếng; trong cơn ngủ, nụ cười héo dần rồi tắt hẳn, lúc đó thì Nhớ tỉnh dậy. Nhớ ngỡ ngàng trước tất cả những gì hiện ra trước mắt, như thể mới biết lần đầu. Buồn phiền, lo lắng, ham muốn, tranh đua... thấy đều không bám được vào Nhớ. Anh là người của phút giây hiện tại; quá khứ, tương lai không chen chân vào.

Cái tên Nhớ cụ Phiệt đặt cho, chẳng tác dụng gì, bởi mấy năm gần đây, chứng quên của anh đã trở nên quá quất. Ví như đói bụng, thì mồm anh phải bảo vào tai mình: “Đi ăn cơm... ăn cơm... ăn cơm...” có nhắc thế mãi thì chân anh mới bước, tay anh mới tìm, nhắc cho đến khi cơm được nhai trong miệng mới thôi. Bằng không thế, thì anh sẽ quên và chịu đói suốt ngày.



Thậm chí khi tra điều thuốc vào môi, tay đã cầm máy lửa, miệng anh cũng phải bảo tai: “Đốt thuốc... đốt thuốc... đốt thuốc...”, lằm bằm mãi cho đến khi bật lửa, đốt cháy điều thuốc ra khói, lúc ấy mới khỏi quên. Có lẽ, chỉ có tai và miệng là hai vị chỉ huy thực sự của anh, hai vị ấy mà về hưu thì anh sẽ nguy to. Cụ Phiệt héo ruột héo gan, vì lẽ chứng quên của anh cứ càng trầm trọng, thì sẽ có một ngày, anh quên thở mà chết mất thôi!

\*\*\*

Sáng nay, cụ Phiệt áo dài, khăn đóng, tay dù đến chùa Thủy Tĩnh, dự đám giỗ Sư Ông.

Vừa bước ra khỏi cửa, thì Nhớ chạy đến, đòi theo.

Cụ nhìn nụ cười của Nhớ một chặp, rồi lại nhìn cái bết đỏ trên trán Nhớ một chặp, xong, cụ gạt đầu, chiều ý.

Cụ quay vào nhà, bảo lớn: “Bà thay đồ gấp cho thằng Nhớ. Hôm nay cho nó theo tôi lên chùa.”

Cụ Bà mở tủ lấy sơ-mi trắng, quần xanh cút ngựa, dép xăng-đan nâu. Tất cả, đặt luôn vào tay Nhớ và xô anh vào phòng. Bà quát: “Thay đồ lẹ lên”, rồi đóng sầm cửa lại.

Cụ Phiệt ngồi uống trà, chờ con.

Mặt cụ bỗng sa sầm khi nghe tiếng con văng vẳng trong phòng: “Mẹ bảo... thay đồ... thay đồ... mặc áo... mặc áo... mặc quần... mặc quần... mang dép... mang dép... mang dép...”

Cụ hớp ngụm trà không trôi, đặt chén, thở dài.

\*\*\*

Suốt dọc đường đi, gặp hoa gì Nhớ cũng bẻ, ôm cả ôm trước ngực: nào hoa Mua, hoa Dâm Bụt, hoa Trang, hoa Sim, hoa Cút Chuột, hoa Cơm nguội... Áo sơ-mi trắng của anh lem luốc.

Vào chùa, anh cứ ôm hoa trước ngực, đứng sát mé chiếu, mở to mắt ngỡ ngàng nhìn người ta thấp hương, cúng dường, lạy vái...

Cụ Phiệt phải thúc cùi chỏ vào hông Nhớ, khẽ mồm sát tai: “Vào chiếu thấp hương”.

Lúc này Nhớ đang nhìn sững một cô gái đứng đối diện mé chiếu bên kia. Cô ta da đen như đít chảo, tóc dài phết gót, có đôi mắt to đen của con bò nghe bị thương xa mẹ.

Cụ Phiệt thúc cùi chỏ vào hông Nhớ lần nữa, nói xẵng vào tai anh: “Vào chiếu thấp hương”.

Nghe thế, Nhớ vội lớn tiếng lặp lại lời bố, mắt vẫn nhìn sững cô gái: “Vào chiếu thấp hương... Vào chiếu thấp hương... Vào chiếu thấp hương...” Cô gái nhìn anh một chặp, rồi ngoan ngoãn đi vào chiếu, anh cũng vào, rồi đến cụ Phiệt. Trên bàn thờ Sư Ông khói hương nghi ngút, hoa quả la liệt. Gian trong có tiếng các sư tụng kinh rì rầm, âm thanh trôi nổi theo tiếng chuông mõ.

Gian ngoài có tiếng cười nói râm ran, chao đảo theo khói đốt vàng mã. Không có chỗ trống trên bàn thờ, Nhớ đặt cả ôm hoa xuống chiếu. Anh sụp lạy, úp mặt lên hoa.

Liếc ngang nhìn cô gái, anh bắt chước đứng dậy đốt hương. Vái xong, anh cắm ba cây hương vào bình bát, rồi cũng bắt chước nhìn vào di ảnh cố Đại Lão Hòa Thượng.

Anh nhìn chăm chăm vào di ảnh, đột ngột hai tay anh run rẩy như trúng gió. Anh quy xuống, phục đầu xuống hoa, khóc rống, méo máo: “Sư Ông nay ở Niết Bàn trong mây trên gió, có còn nhớ thằng Nhớ này không? Hai mươi một năm trước, bố con, người lạ bên cạnh con đây, có sắm một máy hát đĩa quay tay dây thiêu, Sư Ông cũng bắt chước mọi người xóm Trạch, đã chọt thien trượng đến nghe. Sư Ông nghe tuồng Mục Kiều Liên-Thanh Đề, Sư Ông nghe nhạc mới Trăng Rụng Xuống Cầu... Sư Ông ngồi càng lúc càng sát máy, rồi dang cả hai tay, như muốn ôm máy vào lòng coi thử. Sư Ông nhìn máy. Sư Ông ngạc nhiên. Sư Ông cười sặc sụa. Sư Ông thán phục. Sư Ông tưởng rằng có ai trốn trong đó mà hát chắc? Không có ai đâu cả, Sư Ông à! Kim chạy, nó chà vào đĩa, mà ra bài đấy. Sư Ông còn nhớ con không? Con được bố giao nhiệm vụ gãi lưng Sư Ông đến hết tuồng, suốt cái buổi chiều lộng gió ấy... Gió thì thổi nhiều ngày, nhưng lá thì rụng lúc ấy, rụng ngay lúc Thanh Đề bưng chén cơm bốc lửa, một chiếc lá xoài xấn vào lưng Ngài. Sư Ông đã rùng mình, nhưng chỉ nổi da gà ở chỗ chiếc lá chạm vào mà thôi. Ôi! Chiếc lá sao mà vô phép đến thế! Lá rụng thì phải về đất, chớ sao lại ghé lưng, nơi sạch sẽ không có một chút bợn, mát lạnh như đá suối, nơi ngực trĩ 38 nốt ruồi son lớn bé, có ba nốt sát nách phải, mọc sợi lông màu râu bắp thai thai, chót lông cong xuống hình lưỡi câu, con nghịch nhổ một sợi, Sư Ông nháy nhôm, ách-xì một cái, ho hai cái, rồi bốc lộn hộp diêm quẹt của bố...”.

Nghe đến đây, các sư trong chùa lật đật bỏ dùi mõ, chạy đến lôi anh ra khỏi chiếu.

Cả chùa náo loạn.

Cụ Phiệt há hốc mồm nhìn theo anh. Cụ kinh hoàng. Hóa ra con cụ đã phục hồi trí nhớ.

Cụ lật đật chạy ra khỏi chiếu, đuổi theo hát gạt các sư ra và ôm Nhớ vào lòng.

Cụ khóc. Nước mắt như mưa. Cụ ngộp thở trong một niềm vui vĩ đại, cao đặng Trời, bao la như Biển, mà trong đời cụ mới gặp lần đầu.

Cụ khóc to hơn, tăng âm tiếng khóc của mình lên, vang cả khu chùa. Khóc như chưa bao giờ được khóc. Càng khóc, người cụ càng nhẹ dần, buồn lo nhiều năm đã trôi theo nước mắt, lênh láng nền chùa.

\*\*\*

Hình như có ai đó đang bóp miệng cụ và đánh cụ. Cụ ú ớ... rồi mở mắt.

Trước mắt cụ là Cụ Bà. Cụ Bà nhăn mặt gắt gỏng: “Ngủ nghề gì mà khóc dữ thế! Khóc rống như cha chết không bằng! Ông mơ thấy gì? Hả?”

Cụ như vừa rơi xuống vực, chân tay thì chìm xuống, đầu cổ thì trôi lên. Người cụ như đứt lìa.

Cụ Bà “Hứ” một tiếng, bỏ đi ra ngoài.

Còn một mình, cụ Phiệt cựa mình, lẩm bẫm: “Ta không có út nào tên là Nhớ cả. Út nhà ta tên là Đức kia mà. Nó đã vợ con đề huề tận Đà Lạt. Nó đâu có bị chứng quên. Kỳ thật!”

Cụ chùi nước mắt, ngồi dậy, ra bàn nước, pha trà mới. Cụ bỏ nhiều trà, lúc này cụ muốn uống đặc, cho tỉnh trí. Cụ nhìn cái hộp đựng chiếc máy hát đĩa quay tay, nằm đóng bụi nơi hóc nhà, mà đầu óc loãng ra. Cụ lường lự. Bỗng cụ gọi to: “Bà ơi! Vào đây tôi bảo”.

Cụ Bà từ bếp đi lên, tay cầm cái rổ: “Ông kêu cái gì?”

Cụ hỏi: “Ban nầy bà có lấy quần áo thay cho thằng Nhớ không? Trước khi tôi và nó đi chùa đấy?” Cụ Bà há hốc mồm, kẹp chặt cái rỏ vào nách: “Quần áo gì? Thằng Nhớ nào? Chùa nào? Hôm nay ông đứt dây rồi sao?”

Cụ Phiệt véo vào bắp vế mình nghe đau. Cụ bảo: “Thôi! Bà đi làm việc đi. Tôi đúng là chiêm bao.” Tuy miệng nói thế, nhưng bụng cụ vẫn thờ thần, đầu cụ vẫn lưỡng lự.

Cuộc sống hiện thực của cụ đang ngồi đây, cuộc sống ấy không đậm nét bằng cuộc sống trong mơ vừa rồi. Nó chưa bao giờ buộc cụ phải lo buồn đau khổ vì tương lai tối tăm của một đứa con. Nó chưa bao giờ buộc cụ phải khóc òa lên vì vui sướng, bỗng thấy tương lai đứa con lại sáng. Cụ buộc miệng phân vân: “Cuộc sống nào là thực nhỉ?”

Trong tầng sâu của tâm hồn, cụ rơi vào lưỡng lự nặng hơn.

Cụ nhìn xung quanh quan sát. Cụ căng tai, căng mắt, dồn tâm trí. Cụ gọi lớn: “Thằng Nhớ vào đây tao bảo.” Cụ lặp lại: “Thằng Nhớ vào đây tao bảo”.

Căn phòng vẫn yên lặng, tất cả đồ vật đều giữ nguyên vị trí. Không một xao động, cho dù một làn hơi. Cụ Bà có lẽ vừa đi đâu đó, không có ở đây.

Bỗng cụ Phiệt cười lớn: “Nó đi chơi rồi. Có gọi cũng mỗi mồm thôi!”

\*\*\*

Cụ Phiệt trợn mắt, hỏi Nhớ: “Con nào nó chịu ưng mày?”

Nhớ cười, vòng tay thưa: “Cô Quên tóc phết gót, da đen đít chảo, hôm đám giỗ Sư Ông ấy. Bó không trông thấy à?”

Cụ ngó nguời: “Thế nhà nó ở đâu?”

Nhớ nói: “Con dẫn bố đi”

Cụ cười: “Thế mấy bữa rày vắng nhà là mày theo con Quên chắc?”

Nhớ gãi tai: “Dạ!”

Cụ lo lắng: “Mày nhịn đói mà sống à?”

Nhớ gãi cằm: “Cô quên có thức ăn”

Cụ cười to, lòng nhẹ nhõm. Nhớ có bạn gái, có vợ là một sự kiện trọng đại thứ nhì, sau sự kiện trọng đại phục hồi trí nhớ, đã nâng niềm vui to tát của cụ cao hơn: “Đại kiết. Đại kiết”

Cụ thay đồ tươm tất, xách dù đi theo Nhớ.

Khi ngang qua cánh rừng hoa Mua nở bạt ngàn, một màu đỏ thênh thang như chìm xuống. Đầu óc cụ tan ra, cũng chìm xuống theo màu đỏ của hoa.

Bỗng Nhớ bám tay cụ: “Bố có ghé thăm Hòa Thượng một chút không? Chỗ Ngài ở gần đây”.

Cụ kinh ngạc: “Sao? Ngài ở gần đây à?”

Nhớ cười đáp: “Con mới được biết, do cô Quên dẫn đi”.

Cụ theo Nhớ rẽ vào tay trái. Đi suốt một hàng trúc màu vàng mát rượi, thì thấy một cái đồi. Dưới tàn cây Mùa Cua vĩ đại, có một ngôi nhà nhỏ.

Cụ để ý suốt trên đường đi, không có lá rụng, hoa rụng. Cụ phân vân. Chẳng lẽ ở đây, lá hoa không héo, không tàn ư?

Như biết có khách, Sư Ông ra đón.

Cụ ngỡ ngàng khi thấy Sư Ông vẫn như xưa.

Vấn đôi lông mày bạc trắng, da thịt hồng hào mát mẽ, vẫn tiếng nói cười ròn rảng.

Đạo đức nơi Sư Ông Đại Hòa Thượng hiện cả ra ngoài da thịt, đạo đức ấy nằm cả trong dáng đi, nơi vạt áo, trong tiếng nói tiếng cười, nơi ngón tay ngón chân... Đạo đức nơi Sư Ông, cụ có thể sờ nắn được hoặc xin đem về nhà.

Ngôi nhà Sư Ông thật đơn sơ, mái lợp tranh, vách bằng phen trúc. Sư Ông không có chùa nữa. Sư Ông sống như người thường.

Khi ngồi vào bàn (cái bàn là một gốc cây cổ thụ còn sống, nó ngã xuống, bằng phẳng một đoạn, rồi thân nó lại vươn lên, tỏa cành, tỏa lá), cụ Phiệt chấp tay nói: “Lâu quá tôi mới được hân hạnh gặp Ngài. Xin hỏi vô phép, đây phải chốn Niết Bàn không?”

Đại Lão Hòa Thượng cười to, vén áo gãi rốn: “Niết Bàn?” Ngài nhướn đôi lông mày bạc trắng, nói tiếp: “Ta từng nghe, từng cầu, nhưng chưa từng thấy, từng gặp. Còn chỗ này đây, chỉ là chỗ không tranh, không quyết, nên không hy vọng, cũng không thất vọng. Không có đạo đức hoặc vô đạo đức ở đây. Không có đau khổ cũng như sung sướng ở đây. Đây, chỉ là nơi thanh thản”.

Nói xong, Hòa Thượng nghiêng ống tay áo xuống bàn, rút ra một hộp diêm quẹt đã cũ.

Hòa Thượng nhìn cụ, Ngài cười ròn rảng: “Lúc trước tôi cầm lộn cái diêm của cụ mà quên băng. Thằng Nhớ nhắc tôi mới hay. Nay xin gửi lại”. Ngài nhặt bao diêm đặt vào tay cụ, rồi vỗ vai, nói tiếp: “Ở đây, tôi không xài. Tôi không tụng kinh nữa, nên không cần ánh sáng. Ở đây tôi chỉ sống”.

Đại Lão Hòa Thượng ho mấy tiếng tiếp: “Thôi! Cụ đi thăm dâu tương lai của cụ đi. Tôi đi nghỉ”.

Cụ Phiệt rùng mình. Xương sống cụ như có luồng nước đá chạy qua.

Cầm hộp diêm quẹt nơi tay, cụ chấp tay cúi đầu chào Hòa Thượng, rồi bản thân quay gót.

Cha con cụ đi xuống đồi.

Cụ bảo Nhớ: “Sao ta muốn ở nơi này quá. Có con người mà như vắng con người. Tuyệt làm sao! Còn gió thì cứ đằng sau nương nhẹ ta tới. Đi hướng nào cũng thế”.

Bỗng Nhớ nắm tay cụ, kéo về phía phải: “Nhà Quên đây rồi”

Nhớ vừa nói xong, là cụ đã thấy mình ở trong nhà.

Ngôi nhà vắng lặng quá chừng, hoang sơ quá chừng! Hoa lan mọc lòng thòng trên tường, tỏa hương thoang thoang.

Cụ hỏi: “Nhà cô Quên đây ư?”

Nhớ đáp: “Dạ vâng”.

Vừa lúc ấy cô Quên từ ngoài đi vào, mặc áo lam rộng, vai vắt bó củi. Cô quăng bó củi xuống sân kêu “ầm”.

Cụ Phiệt giật mình nhìn ra cửa.

Cụ ngẩn người khi thấy con Ki sửa vang trong sân. Lại có tiếng Cụ Bà từ bếp vọng lên: “Chớ sửa ai thế? Ông ra xem nào?”

Cụ dụi mắt, thần thờ bưng tách trà uống dở, trà đã nguội lạnh.

Cụ buồn phiền: “Ta chưa gặp mặt con dâu, mà ra về rồi ư? Ta vội vã chuyện gì? Ta chưa xứng là BỐ!”

Cụ lê gót vào giường nằm, nhìn lên trần, thấy có trách nhiệm mình lơ lửng ở đây, một trách nhiệm vô hình vô tướng mà cụ không tự hành động được, cách duy nhất để hoàn thành là chờ đợi và vâng lời. Trách nhiệm cưới vợ cho con.

Rồi cụ cười thầm, lẩm bẩm: “Gì gì đi nữa, thì thằng Nhớ đã coi mình là BỐ và mình coi nó là con”.

Cụ bỗng thấy lòng thanh thản, khi biết tương lai con mình ổn định. Cụ lại cười: “Nó là con ta ở một chốn khác. Thằng Nhớ ấy, nó sắp có vợ là Quên”.

Rồi cụ tiếp: “Phải mời cả Sư Ông nữa”. Rồi cụ lại tiếp: “Như thế mới được”. Rồi cụ ngủ..

## Vấn vợ trên khóm mai vàng

Có đến mấy năm, Khang không gặp Thái, nay đột ngột Thái đến nhà, anh hơi ngạc nhiên. Nom Thái không còn phong độ như trước, anh như một nông dân lam lũ thấy rõ. Những nếp nhăn sâu như dao cứa ngang dọc đã làm biến dạng khuôn mặt sáng láng của ngày nào, giờ nom cứ như bức tranh lập thể toàn một màu đất sét của Picasso

Khang cảm giác Thái không phải đến chơi, mà là có việc cần. Ngồi vào ghế, Thái vào đề ngay:

“Tôi bí quá, anh có thể cho tôi mượn hai triệu?”.

“Làm việc gì vậy?”.

“Cưa bom”.

“Cưa bom?” – Khang nhướn mắt, hỏi lại.

Thái móc bao thuốc Bastos từ túi quần, rút châm một điếu: “Mười ngày sau tôi trả”.

“Lấy liền à?”

“Lấy liền”.

Khang chần chừ:

“Nhưng anh phải nói tôi nghe thùng đã. Cưa bom là sao? Để làm gì? Ở đâu? Tại sao phải có hai triệu?”.

“Thế thì... tôi cảm ơn anh”. - Vừa nói Thái vừa đứng dậy.

Khang lật đặt núm bàn ngòi xuống:

“Từ từ, đừng nóng”.

Khang biết tính Thái, hễ dự định việc gì, là thực hiện ngay. Thái như một mũi tên, một khi đã đặt vào chiếc ná của ý tưởng, mũi tên lập tức vút đến đích ngắm hành động. Sở dĩ Khang hỏi vặn là thực tình anh muốn biết, hơn nữa muốn kéo dài thời gian chờ vợ đi chợ về, vì tiền vợ cắt. Để hạ cơn sốt ruột của bạn, Khang liền đi lấy hai lon bia 333 trong tủ lạnh, đặt xuống bàn, giọng vui vẻ:

“Giải khát tí đã. Chờ vợ tôi đi chợ về, sẽ có tiền ngay. Bà cụ dạo này ra sao?”.

Thái cầm lon bia, lật bật kéo khuy kêu cái “xẹt”:

“Suy lắm... Cả thể xác lẫn tinh thần. Đột ngột, những đường nhăn hai bên khóe miệng sâu xuống và tóm vào, trông thật dị kỳ. – Thái hớp ngụm bia, tiếp – Mệt lắm. Không khỏe chút nào”.

“Anh đi cưa bom? Đùa hay thật? – Khang nói tiếp giọng lo ngại - Nó nổ tan xác pháo anh đấy”.

Thái cười góm ghiếc. Nụ cười ngang tầm thần Chết:

“Không tan đâu. Dùng rô bốt cưa máy. Tôi cưa máy trái rồi”.

Nghe thế, Khang giật mình:

“Té ra, anh mượn tiền mua máy cưa?”.

“Không, máy có rồi. Mượn để chi phí”.

Khang thật sự muốn biết việc này, vì nó mới lạ đối với anh. Anh đứng dậy mở tủ lạnh lấy xâu nem chua và hai lon bia nữa:

“Anh nói rõ hơn việc cưa một trái bom tôi nghe coi. Xin lỗi vì tôi tò mò muốn biết”.

Thái từ tốn uống một hớp bia nữa:

“Anh muốn biết thật à? Chi vậy?”.

“Thuần túy là hiếu kỳ”.

Thái nói chậm rãi:

“Trước tiên, muốn cưa một trái bom, trái bom ấy buộc phải nằm xa ủy ban nhân dân xã”.

Khang cười cười:

“Sợ sập ủy ban chớ gì? Lo lắng cho Nhà nước gớm nhỉ”.

“Không. Nếu gần, ủy ban biết được, sẽ lấy trái bom ấy”.

“Ồ, hóa ra vấn đề là thế. Tôi hiểu rồi. Nhưng làm sao anh kiếm ra trái bom?”.

“Dân tộc thiếu số người ta chỉ”.

“Họ không chỉ chính quyền à?”.

“Không. Họ chỉ chính quyền chi? Trong khi họ chỉ chúng tôi, họ có tiền. Ngay cả cạp cũng thế, họ chỉ cần mách chỗ có cứt cạp, họ cũng vẫn có tiền”.

Tôi nín thinh. Quả thật, Thái nay khác hẳn. Còn nhớ lúc trước anh là một tay thơ văn ước át, tâm hồn nghệ sĩ lắm. Thế mà nay lại đi cưa bom và bắt cạp. Tôi chạm lon với anh:

“Nào, nói tiếp đi. Hay lắm. Muốn hai triệu để chi phí gì trong việc cưa bom?”.

Thái lại uống một hớp nữa, nói tiếp:

“Mua gạch, mua xi măng xây hồ và nhiều chuyện linh tinh ấy mà”.

Nghe thế, Khang không hiểu gì cả. Anh nhú mày, hỏi:

“Xây hồ gì cơ chứ?”.

“Hồ cưa bom chớ hồ gì. Này nhá, chúng tôi phải xây tường xung quanh trái bom và cả phủ nền nữa. Làm một cái hồ. Đoạn cho nước vào hồ ngập trái bom. Nước phải bỏ đá lạnh đấy. Phải đem cả máy phát điện đến, loại Honda một ký thôi. Đặt rô bốt cưa tự động”.

Khang vỡ lẽ, anh háo hức:

“Thế các anh ở xa trái bom chứ?”.

Thái cười kỳ dị. Cái cười của anh không phải nụ cười, mà chỉ là sự nhăn nhó làm hở hàm răng:

“Đương nhiên ở xa. Từ xa, chúng tôi nối dây vào và bật công tắc điện. Thế là máy cưa. Chỉ vài giờ là cưa lủng. Thiết kế hệ thống này, mất cả ngày trời”.

Khang thở xì:

“Có khi nào bị nổ không?”.

“Có. Muốn chết cưa nhanh, muốn sống cưa chậm. Nhưng trái bom ngập trong nước đá, không bị nóng do ma sát cưa. Hơn nữa, trái bom bị cưa lủng rồi, sẽ không bao giờ nổ nữa”.

Khang nhìn Thái, vẻ thích thú hiện ra mặt:

“Cưa giữa trái bom à?”.

“Ừ, hoặc ở gần chóp cũng được”.

Khang thẳng lưng, vươn tay, lại thở xì:

“Tôi cứ ngỡ anh cưa bằng tay. Hai người ngồi hai bên trái bom mà cưa hì hục cho sứt ra. Anh uống tiếp một lon nữa đi. – Khang vừa nói vừa khui cho Thái – Anh uống đi. Lâu ngày gặp, chúng ta phải làm đủ chục”.

Thái khoát tay:

“Thôi, không dám. Tôi hai lon là vừa. Không như lúc trước đâu. Việc cưa bom không thể một người làm được. Ít nhất cũng phải bốn người. “Con beo” này nằm sâu trong rừng, loại gần cả tấn đấy”.

Thái vừa lột vỏ cây nem, nói tiếp: “Cả ngòi nổ, dài gần hai thước. Chúng tôi đã moi đất ló “hán” ra rồi”.

Khang thắc mắc:

“Khi đào, anh không sợ bị nổ à?”.

“Phải cẩn thận chớ. Thông thường trái bom đầu to hơn đít, lại có hai hột nổ. Hột nổ chính nằm trước đầu, hột nổ phụ nằm sau đít. Riêng hột sau đít, vắn bù-loong là nổ, còn hột nổ đằng đầu, thốn đập vào sẽ nổ. Bom cũng như cộp nằm ngủ, đừng dại đập vào nó. Muốn đập, phải trói lại đã, mà phải đập có chỗ, không giỡn được”.

“Thuốc nổ và sắt phế liệu anh bán được bao nhiêu?”.

“Còn tùy. Như trái sắp cưa, phải trên ba chục triệu”.

Khang lại hỏi:

“Giá cả anh nắm vững à?”.

Thái cười:

“Vững gì! Họ cũng đêch cần! Sắt vỏ bom là sắt đặc, cực kỳ chất lượng, cũng chỉ khoảng chín, mười ngàn đồng/kg. Thuốc nổ thì có giá hơn, khoảng một trăm tám chục ngàn đồng/kg”.

Vợ anh Khang đi chợ về. Chị chào và nhìn sững anh Thái một hồi mới nhận ra. Chị hỏi:

“Nay anh làm gì mà không thấy đến?”.

Khang trả lời thay Thái:

“Anh ấy bận lắm. Làm kinh tế mà. Số là đàn heo anh Thái cũng sắp xuất chuồng, ảnh đến mượn mình hai triệu để vỗ béo, nửa tháng sau ảnh trả. Chỗ bạn bè, tôi hứa rồi, bà vào lấy cho mượn đi”.

“Ừ, được. Nhưng phải đúng nửa tháng đấy nhé?”.

Thái nói:

“Tôi đã mượn là trả đúng ngày. Có thể trả sớm hơn. Anh chị đừng lo”.

Chị Khang vừa đi xuống bếp, Thái nói với Khang:



“Tại sao anh không nói tôi mượn để cưa bom?”.

Khang cười:

“Lý do cưa bom, vợ tôi sẽ không đưa tiền cho anh mượn”.

“Tại sao?”

Khang cười:

“Phụ nữ họ luôn cụ thể và lo gần, nhớ bom nổ “đùng” thì không còn người trả”.

Đột ngột, Thái hỏi Khang:

“Tại sao anh tin tôi cưa bom thật?”.

Khang sững sốt nhìn Thái. Quả thật, Khang chưa nghĩ đến trường hợp này. Có thể lắm chứ. Khang hỏi:

“Thế ra anh vừa nói dối à? Anh mượn tiền làm việc gì?”.

“Thì cưa bom”.

Cả hai lại cười... Ô không, chỉ có Khang cười, còn Thái nhăn nhó. Đột ngột, không khí trầm xuống. Có lẽ do câu nói gở của Khang chẳng? Câu nói đùa “nhớ bom nổ “đùng” thì không còn người trả”. Nhớ lại, Khang hơi hối hận. Lúc này, chị Khang đem tiền ra, đặt lên bàn:

“Đây. Anh cố gắng nhé, anh Thái”.

“Cảm ơn chị - Thái cầm tiền, nói tiếp - Cảm ơn anh”.

Đợi chị Khang đi xuống bếp, Thái nói tiếp:

“Thế nào tôi cũng đãi anh một trận nhậu ra trò. – Thái hớp một hơi dài cho hết lon bia, rồi xìa tay bắt tay Khang – Xin phép rút lui, lo công việc. Cảm ơn anh. Chào anh”.

Thái ra xe, nổ máy, phóng vút, để lại một làn khói vẫn vơ trên khóm mai vàng. Đột ngột, Khang nhìn theo, lòng thương bạn vô cùng. Một tình thương quện tròn theo ý nghĩ vừa nảy sinh, rằng tiền cưa bom cũng như làn khói kia, chỉ là việc vẫn vơ trên khóm mai vàng...

## Các cụ rùa đội bia Tiến sĩ

Tháng trước, nhân có việc phải đi Hà Nội, con tôi gọi điện nhắc tôi phải đến xoa đầu các cụ Rùa Đá đội bia Tiến sĩ ở Văn Miếu Quốc Tử Giám. Tôi hỏi con tôi trong điện thoại:

“Alô... Xoa đầu các cụ Rùa để làm gì?”

“Ba chưa biết à?”

“Chưa.”

“Rùa trường thọ ngàn năm. Lại đội bia Tiến sĩ vinh hiển... Alô... Vậy ba hiểu chứ gì?”

“Hiểu... Hai món đó truyền vào người ba, khi xoa đầu các cụ Rùa chứ gì? Ủ, ba sẽ nhớ... Alô... Con yên tâm.”

“Tổng thống Mỹ Bill Clinton cũng tranh thủ xoa đầu các cụ Rùa đấy.”

“Biết rồi... Alô... Con yên tâm.”

Việc này tôi không hề nghĩ đến, nhưng con tôi nghĩ đến, nghĩ đến cho tôi mà không nghĩ đến cho nó. Tại sao? Tại sao vậy? Tôi tự giải thích lý do như sau:

Thứ nhất: “Tôi không hề nghĩ đến” vì tôi đã già. Trường thọ và vinh hiển ư? Việc này thật ngông cuồng. Chỉ nên lưu ý về “quan tài” là hợp lý hơn cả. Thế nên tôi không hề nghĩ đến.

Thứ hai: “Nhưng con tôi lại nghĩ đến cho tôi” vì nó thấy tôi gầy còm và đang làm chuyện “văn chương”. Nên nó muốn điều tốt cho tôi. Ý con tôi quả tuyệt vời.

Thứ ba: “Nó không nghĩ đến cho nó” bởi nó còn trẻ, nhiều nghị lực và đủ thời gian để làm chuyện rạng rỡ này.

Thế là tôi dành nửa buổi sáng để thăm Văn Miếu... Hàng dài các cụ Rùa hiện ra dưới mắt tôi, có cụ Rùa to, cụ Rùa nhỏ không đều, đội trên lưng bia to, bia nhỏ không đều. Đặc biệt, đầu các cụ Rùa to bị khách thập phương xoa nhẵn thín... Đầu các cụ bóng lên nước, ánh lên màu xám ngọc, hẳn là êm dịu và mát rượi trong lòng bàn tay. Tôi đảo mắt ngắm các cụ Rùa nhỏ... Đầu các cụ này sần sùi và mốc xì, bởi lẽ chẳng có ai thò tay xoa cả! Dĩ vãng bị hiện tại cạn cọt đối xử không công bằng. Và, tôi quyết định xoa đầu các cụ Rùa nhỏ này... Trong lòng bàn tay tôi cộm lên bao nhẵn nại của thời gian. Tôi nhìn vào tấm bia trên lưng cụ mà chữ khắc bị thời gian phủ mờ, lòng bỗng mơ hồ kính phục người đời xưa. Tôi dốt chữ Nho, không thể đọc được những gì khắc trên các bia, nhưng tôi vẫn nhớ một câu trong bài ký đề tên Tiến sĩ khoa Mậu Tuất, niên hiệu Hồng Đức năm thứ 9 do tác giả Trần Mạnh Thường biên soạn: “*Ngày thường thì dám nói ngay thẳng, tôn trọng nhà vua, làm lợi cho dân. Lúc có việc thì phải vì nước mà quên nhà, thấy nguy thì không tiếc tính mạng.*” Và từ cảm giác nhám thô của đầu cụ Rùa nhỏ này bỗng thì thầm điều đó.

“Alô... Con đấy à?”

“Dạ... Ba đi thăm Văn Miếu Quốc Tử Giám chưa?”

“Đang xoa đầu các cụ Rùa đây.”

“Ba cảm thấy thế nào?”

“Quá khừ truyền vào người. Ba cảm giác mình một ngàn tuổi. Con người buộc phải biến mất, nhưng công việc của họ không mất.”

“Tốt quá! Chúc ba khỏe và vui.”

“Ủ... Alô... Chào con.”

Thế đấy, con lại gọi... Không ngờ con trai mình lại quan trọng việc này đến thế.

Tôi lại tiếp tục đi xoa đầu các cụ Rùa... Ừ, lạ nhỉ! Tôi thoáng cảm nhận một điều có vẻ kỳ cục: Các cụ Rùa này đang trôi trong thời gian vô tận... Các cụ sẽ trôi đến mai sau để gặp các thế hệ khác. Rồi các cụ sẽ trôi đến sau cả “mai sau” nữa... trong khi thế hệ hiện tại và cả thế hệ mai sau lại tiến ngược lên phía trước. Áo giặc này quả là kỳ cục. Vậy việc xoa đầu các cụ Rùa đích thị là một cuộc gặp gỡ hi hữu. Tôi mỉm cười: “Áo giặc này coi vậy mà được đấy. Đích thị là tiếp xúc với đời xưa. Và, lòng bỗng muốn lều chõng đi thi, muốn cầm bút lông, muốn nằm dài xuống chiếu mà viết chữ Nho. Người đời nay làm được việc ấy quả thú vị thật.” Trong lòng bàn tay tôi, một áo giặc nữa lại hiện hình...

“Này cụ Rùa nhỏ này! Nay cụ bao nhiêu tuổi?”

“565 tuổi.”

“ Bao nhiêu tuổi thì cụ chết?”

“Cái chết của tôi nằm trong tay người khác. Nhưng tôi khó mà chết.”

“Cụ đỗ Tiến sĩ rồi à?”

“Đâu có. Tôi cống vị đỗ khoa Nhâm Thân, niên hiệu Đại Bảo thứ 3 trên lưng.”

“Ồ, xin lỗi! Vậy tôi phải xoa bia chứ đâu phải xoa đầu cụ như con tôi bảo?”

“Phải xoa đầu tôi. Còn bia chỉ nên nhìn.”

“Tại sao?”

“Tôi sẽ cống trong tâm hồn người nào xoa đầu tôi. Người xoa đầu tôi sẽ được vinh hiển trong tâm hồn. Cái đấy mới quan trọng. Người xoa đầu tôi không thể đậu Tiến sĩ, nhưng tôi trao cho họ một chứng chỉ trừu tượng ghi khắc chữ NHÃN. Một chữ nhẹ tênh và nặng trĩu. Nhẹ như chữ mà nặng như bia.”

Tôi nhắc bàn tay mãi nguyện khỏi đầu cụ Rùa, và đi vào toà Đại Bái...

Cảm ơn con trai. Việc con điện để gợi ý rất tốt, nhưng ý con và cả ý ba đều khác với ý các cụ Rùa ở đây. Ý các cụ Rùa chính xác và cao cả hơn nhiều...

## Trà sớm

Nghe lời sư Trí trụ trì chùa Hương Trì, tôi ngủ sớm để thức dậy sớm. Sư khuyên tôi: “Thức dậy sớm, thức trước mặt trời mọc một tiếng đồng hồ, cuộc sống anh sẽ có chiều hướng thay đổi tốt”. Sư Trí còn khuyên tôi: “Vệ sinh cá nhân xong, anh nên uống trà một mình. Ngồi yên lặng một mình”.

Đã hơn một tuần nay, tôi thực hiện lời khuyên ấy, đã biết giá trị của nó. Giá trị của sự chậm rãi, của sự tĩnh tâm trong lúc uống trà sớm.

Sớm nay, mặt trời chưa mọc, cơ thể tôi đã sạch sẽ đâu vào đấy, để ngồi uống trà một mình. Có lẽ sư Trí giờ này đang tụng kinh công phu. Có lẽ sư cũng biết tôi nơi một không gian khác,

đang ngồi uống trà một mình, đang ngồi ở một sân vườn khoáng đãng.

Tôi hớp tách trà nóng, hương hoa lài thơm dịu thoảng lên mũi. Tôi độc thoại trong im lặng, bằng cách trò chuyện với khóm hoa lài, với khóm hoa mẫu đơn bên mình. Những tiếng không lời...

“Xin chào hoa mẫu đơn! Sắp đi vào một ngày mới tinh khôi, hoa có khoẻ không?”

“Cảm ơn, khoẻ lắm. Tôi rất thích anh, vì anh hỏi tôi trong im lặng. Anh nên nhớ rằng: ‘Lời nói, đọi máu’. Phải cẩn ngôn. Tôi nhìn loài người các anh mà phát ón! Ai cũng ‘cục tác’ đến rối tai nhức óc, chẳng thấy ai ‘ấp trứng’! Đẹp cái trò ấy đi. Hãy im lặng mà làm việc.”

Tôi lại hớp trà, nhip nhip bàn chân:

“Có lẽ tôi không thể khuyên hoa được gì! Chỉ có hoa khuyên tôi thôi.”

Mấy đoá mẫu đơn rung rinh trước gió dịu dàng, dường như mỉm cười:

“Có khuyên được đấy. Anh khuyên tôi bằng cách tưới nước”.

“Ừ, đó lời khuyên hay. Sư Trí bảo rằng, khuyên rằng: Phải thức dậy trước mặt trời mọc, để bắt đầu một ngày làm việc cùng mặt trời.”

“Sư Trí khác anh, nhưng lời sư Trí nên nghe.”

Tôi châm một điếu thuốc đầu ngày, lại hớp trà. Hoa mẫu đơn lại nói:

“Xong ấm trà này, xong điếu thuốc kia trong cô đơn, thế là đã nạp năng lượng tinh thần bình tĩnh cho một ngày làm việc. Một ngày chính là tài sản của anh. Anh phải quý và sử dụng cho khéo. Nó trôi đi, cũng không hối tiếc, ân hận gì. Hãy vững vàng, mạnh mẽ, hãy làm việc, hãy vươn lên...”

Đột ngột có tiếng xe máy tiến vào cổng. Đó là sư Trí.

“Mô Phật! Xin chào sư. Có việc gì sao?”

“Nhân đi cúng ở khu vực này, nghe anh trò chuyện với hoa mẫu đơn, tôi ghé uống cốc trà sớm của anh.”

Nghe thế, tôi tròn mắt:

“Sao sư biết?”

“Thì nhà anh, chỉ mỗi bụi hoa đó ra hồn, không nói chuyện với nó, anh nói chuyện với ai?”

“Ra thế! Vậy mà tôi tưởng sư có ‘phép’!”

Tôi mời sư ngồi lên ghế đá. Mặt trời vẫn chưa mọc. Tôi thêm trà, thêm nước sôi. Tiếng xe máy đã tắt. Không gian thật yên tĩnh.

Sư Trí hớp trà, nói:

“Ngủ dậy muộn, ông bà mình gọi ‘ngủ nướng’, ngày đó anh uể oải lắm, ít khi làm việc gì ra hồn!”

“Sư có thể cho biết lý do tại sao?”

“Tại vì anh chưa có khâu chuẩn bị sống cho ngày đó. Dậy muộn là bị quăng ném vào ngày đó. Dậy sớm là chuẩn bị chu đáo cho ngày đó. Còn một việc quan trọng nữa... Dậy sớm là anh sử dụng ngày đó, dậy muộn là ngày đó sử dụng anh. Nó sử dụng anh là anh giảm thọ. Anh sử dụng nó là anh tăng thọ. Bởi, dậy sớm anh có sự chậm rãi, dậy muộn anh phải ôm vội vã. Mà anh có biết không? Chậm rãi bao giờ cũng nhanh, vội vã bao giờ cũng chậm. Chậm rãi thành công, vội vã hỏng!”

“Hơn tuần nay, do dậy sớm, tôi thấy người khoẻ ra, sống chủ động hơn. Việc nhỏ như thế mà tác dụng lớn.”

“Khi anh dậy sớm uống trà một mình, anh chiêm nghiệm rằng, có thể hôm nay là ngày cuối cuộc đời mình, có khả năng như thế lắm chứ? Anh đừng hoảng. Tại sao cái chết làm chúng ta hoảng? Tại vì nó giản đơn, nhanh chóng vô cùng! Cái chết mà khó khăn mới có được, chúng ta sẽ không sợ đâu! Anh cũng nên nhớ điều này nữa, chúng ta chỉ chết có một lần, cũng như chỉ sống có một lần. Tuyệt đối không có tái bản. Vậy là ta an tâm.”

“Biết vậy, nhưng vẫn cứ sợ chết?”

“Thì thế! Cái chết làm hãi hùng người còn sống. Vì sao? Vì nó làm cho người sống không sống! Đây là bi kịch! Tóm lại, nói một cách khoa học như thế này: Cái chết, hễ có nó là không có mình, mình ‘tiêu’. Vậy, để cho công bằng, tại sao không nghĩ, hễ có mình là không có nó, nó cũng ‘tiêu’. Ừ, cứ một lần một chút, trong lúc uống trà sớm, anh sẽ giải quyết êm xuôi vấn đề hóc búa này. Chỉ một mình anh giải quyết cho chính tâm trí anh. Hoàn toàn cô đơn! Anh giải quyết được vấn đề ‘chết’ là anh dễ dàng với vấn đề ‘sống’. Cái chết là to nhất mà anh thấy không to, ắt không có việc gì to nữa! Đời sẽ nhẹ nhàng hơn... Tôi nói hơi nhiều là chỉ với anh, với người khác tôi ngại lắm, vì tôi chỉ là kẻ tầm thường, hàn vi!”

“Thưa sư, không phải thế.”

“Không phải thế cũng được, mà phải thế cũng được, chẳng nghĩa lý gì. Giờ, tôi phải đi. Trời chưa sáng rõ, anh nên uống thêm một ít trà nữa, nghĩa là uống thêm một ít suy tư, bình tĩnh và quyết tâm của mình.”

Tôi tiễn sư Trí, đoạn trở lại bàn uống trà. Trong người thấy bình tĩnh, cương quyết hơn. Tôi biết vị trí của mình là hạt bụi trong vũ trụ bao la, nhưng là hạt bụi biết thanh thản, biết cương quyết. Mà cả thế giới có mấy tỷ hạt bụi như thế, đâu phải chuyện đùa! Tôi cất bình trà, sẵn sàng tiến vào một ngày mới tinh khôi...

## Đàn bò câu mắt dần

Chủ nhật rồi, Nam có công việc phải đến xã Thạch Bàn, tiện thể anh ghé thăm Thuấn. Thuấn là bạn học với Nam hồi trung học. Nay anh ta làm ruộng, vui thú điền viên. Nhà có sẵn chai Hennessy con biếu, vẫn để dành chưa mở nút, Thuấn sốt sắng đem ra mời Nam. Thức nhắm chỉ vài con cá kho, một ít ớt xiêm. Trong nhà có gì dùng nấy. Nền tảng bất tận của lịch sử chính là lòng chân thành. Thế nên cả hai chuyện trò vui vẻ, thăm hỏi chuyện nay, ôn lại chuyện xưa

rôm rả...

Thấy chai rượu đã vơi gần nửa mà Nam vẫn không động đũa vào đĩa cá kho, Thuấn chủ nhà liền nói:

“Anh cứ ngồi tự nhiên. Tôi chạy ra quán Thiên Hương mua thêm con bồ câu nướng nhé?”

Nghe thế, Nam giật nảy người, khoát tay, lắc đầu lia lịa. Toàn bộ con người Nam như đĩa phải vôi. Dường như anh đã hốt hoảng thật sự:

“Không. Dứt khoát không. Có rượu tây là ngon rồi. Cá kho đủ rồi. Không mua chim bồ câu! ”.

Nghe thế, Thuấn trở mắt nhìn Nam:

“Tại sao? Tại sao? Anh kiêng à?”

Vừa dứt câu hỏi dồn, Thuấn thấy Nam miệng méo xệch, mặt mũi nhăn riết, quái dị đến buồn cười. Nhưng kìa! Nam đã khóc. Anh đưa mu bàn tay quệt nước mắt, nước mũi lòng thòng. Thật không giống con giáp nào cả! Thuấn sững người khi nhìn thấy những nét nhăn nơi khuôn mặt bạn đột ngột hẳn sâu như dao xẻ. Làm sao mà khóc được nhanh thế nhỉ? Thuấn chong mắt chăm chăm vào mặt Nam. Anh cố phát hiện một sự đóng kịch, một giả dối nào đấy cho dù nhỏ nhoi, nhưng vô ích. Nam đã khóc thật. Anh vừa mỉm vừa nói, giọng cứ ngúc ngoắc như vừa đánh vần đọc:

“Như anh biết đấy, cửa Đà Ràng năm ngoái bị nông, nước lụt thoát ra biển quá chậm. Dứt lụt đã bốn ngày, nhà tôi chỉ ló được cái sân gạch nhỏ xíu. Trong vườn nước vẫn lỉnh bĩnh đến gối. Một năm chó chết! Nhà anh cũng thế, chứ hơn gì! Phải không?”

“Ừ, đúng thế.”

Nói đến đấy, đột ngột Nam dừng lại, hai mắt ráo hoảnh, nhìn sững vào quăng không hồi lâu. Rồi cũng thật đột ngột, mặt mũi anh lại nhăn riết, những vết nhăn lại hẳn sâu hơn ban nãy. Anh nói tiếp, giọng không thều thào mà rắn lại, đầy chịu đựng:

“Lúc ấy khoảng 9 giờ sáng, cào bùn đất nơi sân xong, tôi đứng chống cuốc nghỉ mệt. Đột ngột, một đàn bồ câu của ai đó đậu ngay xuống sân. Tôi giật mình nhưng vẫn đứng yên. Lạ thật, chúng đứng chung với tôi mà không một chút sợ sệt. Dường như chúng muốn cầu xin tôi một điều gì đó khẩn thiết lắm. Anh biết không? Tôi làm nhắm đếm thử có đến 26 con cả thầy. Không biết chúng ở đâu bay đến. Trông chúng yếu quá, đi qua lại chậm rì rì, lông cánh xơ xác, thỉnh thoảng lại ngược nhìn tôi. Chịu đựng qua một cơn lụt, tôi biết chắc chúng đang đói, tôi vào bếp múc lon gạo vãi ra sân. Chúng mổ ăn chậm rãi, không chạy lăng xăng tranh giành. Tôi đếm lần nữa... Đúng là 26 con cả thầy. Nhìn chúng chăm chú ăn, tôi có cảm giác đó là đàn bồ câu của mình. Ừ, chắc anh cũng thừa biết đấy. Thật đơn giản. Con vật không phải của mình mà mình cho chúng ăn, thế là con vật ấy mình nuôi mà không có quyền bán. Đó là con vật mình nuôi mà không được quyền giết thịt. Do thế, nó lại càng là của mình hơn lên. Thế đấy. Ở kia, chúng đã xơi hết sạch lon gạo. Đàn bồ câu đi qua lại có vẻ tươi tỉnh hơn. Nhưng chúng vẫn không bay đi. Chúng vẫn nấn ná chờ thêm gạo. Tôi nhắm tính thấy rằng, mỗi con ăn như vậy là quá ít đối với chúng. Lập tức, tôi lại vào nhà múc thêm hai lon lúa. Lần này, tôi ra đứng giữa sân. Tôi vãi đều, cuối cùng còn một nắm tôi đổ ngay xuống hai bàn chân mình. Có hai con đứng ngay mu bàn chân tôi mà mổ lúa. Bàn chân tôi đau điếng. Lúc ấy, tôi chỉ cần thò tay xuống là ẵm gọn. Nhưng không, tôi không động đậy. Tôi thích nhìn chúng ăn. Bởi vì chúng đang ăn như mình đang ăn. Ừ, nếu mình bắt nó là mình lừa nó. Những trò người ta vẫn gọi là thông minh ấy, tôi đã vất chớ tha từ lâu rồi. Tôi khế hát chân cho chúng rút ra, và đi vào nhà uống trà. Bên ngoài, đàn bồ câu vẫn chăm chú ăn lúa nơi cái sân vừa được tôi cạo sạch bùn. Dường như tôi cạo sạch bùn để

vãi lúa cho chúng ăn.” - Ngừng một chút để ho vài tiếng, hớp một ngụm rượu, gãi gãi nơi gò má, Nam nói tiếp, giọng trầm xuống – “Sau đợt lũ lụt ấy, tôi vô cùng mệt. Lưng tựa ngã xuống đi-văng và lập tức con người tôi ngủ say. Một giấc ngủ không trăn trở theo nghĩa đen.”

Nói xong, Nam rót rượu đầy cả hai cốc, mời Thuấn nâng cốc. Thuấn biết tính Nam, hễ rượu ngấm vào là giành nói, không ai ngăn được Sắp say lại càng nói năng lưu loát, sâu sắc. Bạn bè vẫn đùa: “Đây là một đài phát thanh mà nút tắt không biết nằm chỗ nào.” Nam uống một hơi cạn, đặt cốc xuống nhẹ nhàng, lại nói tiếp:

“Anh biết không? Sáng hôm sau đàn bò câu lại bay đến, đáp xuống sân nhà tôi. Thành linh một hình ảnh thoáng hiện trong mắt tôi. Cái sân nhỏ bé của tôi đã hoá thành một phi trường khổng lồ mà đàn bò câu chính là một phi đội. Thế đấy! Lúc ấy, tôi đếm phi đội của mình chỉ còn 19, thiếu mất 7. Tôi cố tình chậm cho ăn, để chờ đợi bầy con vắng mặt. Nhưng chúng vẫn không về. Mười chín con bò câu cứ đứng mãi trong sân, không chịu bay đi. Một nỗi buồn khó tả xâm chiếm cả người tôi lúc ấy. Tôi quả quyết 7 con bò câu sẽ dĩ vắng mặt vì chúng đã chết rồi. Bầy chiếc phi cơ đã tử nạn! Nhưng ở đâu? Vì lý do gì? Đó là một câu hỏi vô vọng. Một câu hỏi làm tăng nỗi buồn lên cấp số nhân.”

Thuấn đã chăm chú nghe. Anh hỏi thăm dò:

“Chúng là bò câu người ta nuôi để giết thịt cơ mà! Đâu phải máy bay mà buồn đến vậy?”

Nam trả lời, mặt vẫn cứ nhăn riết:

“Biết vậy, nhưng lạ thật! Nỗi buồn xâm chiếm cả người tôi lúc ấy chính là “nỗi buồn bị mất đi quân số.” Ban đầu là 26, sau một ngày đêm, tử nạn chỉ còn 19. Một mất mát lớn. Việc này thực sự đã gây trong tôi một nỗi buồn khó tả.”

Nghe thế, Thuấn nín thinh. Anh lại rót rượu, mời bạn cùng ly:

“Rồi sao? Kể tiếp đi?”

Nam lại tợp một hơi cạn cốc rượu, đốt thêm điếu thuốc, nhú mày , nói tiếp:

“Sáng ngày thứ ba, bọn bò câu cũng bay đến đậu tại sân. Phi đội chỉ còn 10. Thêm một ngày, vào cõi hư vô thêm 9. Nhiều hơn ngày hôm trước. Tôi vẫn múc lúa cho chúng ăn, nhưng chỉ nửa lon. Nỗi buồn trong tôi bắt đầu rắn lại thành cục, không còn mênh mông, không còn xâm chiếm, vì đã chiếm tôi rồi. Đúng, trong tôi đã hình thành một “cục buồn” mang hình dáng bò câu.”

Thuấn nhướn mắt:

“Hay lắm. Cứ tiếp tục.”

“Ừ, sang ngày thứ tư, chúng lại trở về, phi đội chỉ còn 2. Chúng đậu giữa sân như chờ tôi để báo cáo thảm trạng. Tôi quăng lúa ra sân, chúng không ăn. Rõ ràng là chúng vừa thoát nạn, bay về báo hung tin. Chúng quanh quẩn nơi sân một chặp rồi bay. Lúa tôi vãi còn nguyên ra đấy. Không mất hạt nào. Chúng bay đi đâu? Tôi muốn biết chỗ ấy lắm.”

Thuấn vội chen vào, hỏi về căng thẳng:

“Thế ngày hôm sau, hai con bò câu ấy đến nữa không?”

Giọng Nam cộc lốc:

“Không. Chúng đã chết rồi! Quân số trên sân chỉ là sự hoang vắng! Hết! Chẳng còn gì! Còn chẳng là cái phi trường quanh hiu nhơ lên giữa một vùng lĩnh bình nước.”

Đột ngột, Thuấn ngồi ngay ngắn lại, về bên chôn:

“Lúc ấy, tâm trạng anh thế nào?”

“ Tôi đã khóc thầm! Nhưng đấy có phải bầy bò câu của anh không?”

Trước một câu hỏi không ngờ, như mũi tên thổi bạt vào người, câu trả lời của Thuấn cũng không ngờ, như tiếng dội vang lên rần rỏi:

“Của tôi.” - Thuấn vừa thốt xong, lập tức mồm anh méo xệch, mặt mũi nhăn riết giống y như Nam ban nãy. Anh trả lời lần nữa, yếu ớt nhưng hoàn chỉnh – “Đàn bò câu ấy là của tôi!”.

Lần này, đến lượt Nam trở mắt nhìn Thuấn! Thuấn vẫn méo máo, mặt mũi nhăn riết, nom cũng chẳng giống con giáp nào:

“Chính tôi đã bắt bán cho quán nhậu Thiên Hương vì nhà không còn tiền đi chợ. Lần đầu 7, lần nhì 9, lần ba 8. Chừa lại 2 để nuôi, nhưng chúng... Đã bỏ đi? Hay chết ở đâu?”.

Lại là những câu hỏi vô vọng! Thuấn gục đầu, ôm mặt. Không gian im lặng. Cả Nam và Thuấn đều chìm trong trầm tư. Đột ngột, Thuấn ngẩng cao đầu, với tay bốc chai rượu tu một hớp lớn. Xong, anh đột ngột cười toáng lên, chuyển chai sang Nam:

“Chúng ta thật nực cười. Giờ phút hôm nay thật nực cười. Tại sao tôi lại khóc?”.

Nam cũng đưa chai vào mồm tu một ngụm lớn, đặt chai xuống bàn kêu “kịch”:

“Vì tôi đã chuyển giao nỗi buồn đúng người.”

“Chuyển giao cho tôi à?”

“Nếu không phải thế, tại sao lâu nay anh không khóc?”

Vặn vẹo bạn xong, Nam quệt tay lên mắt mình, anh lại nghe ướt nhiều hơn...

## Cái làn chị xách trên tay

Tôi dân miền Nam Trung Bộ, không rành ngôn ngữ đặc sản ngoài Bắc, thế nên lâu nay chẳng biết cái làn là cái gì, nay do bùng nổ thông thời hội nhập, nên đã biết loáng thoáng về cái làn, nhưng thấy cụ thể tận mắt cái làn của ngoài Bắc thì chưa, huống chi lại vẽ vời đòi xách nó. Té ra cái làn là cái giỏ mà các bà các chị vẫn thường xách đi chợ mua thức ăn. Cái làn rất mật thiết với người phụ nữ. Có lẽ nó được đan bằng mây, tre rất truyền thống chứ không phải bằng nhựa màu sắc lòe loẹt như ở trong Nam. Ngày nay khó thấy được cái làn cụ thể, nhưng tôi tin



nó vẫn còn đấy, làm sao mà mất được. Không hiểu sao, từ trong tầng sâu, tôi lại thích cái tên này, tên cái làn. Cái tên nghe rất ấn tượng. Nói tóm lại, đó là cái tên quá hay.

Một sáng tắm biển, đang nằm phơi nắng, tôi nói việc này với anh bạn nhà thơ cùng tắm biển. Anh ta nghe chăm chú. Mỗi khi anh ta lắng nghe chăm chú là tôi sinh nghi. Chơi lâu tôi biết cái tật anh ta như thế. Hễ anh ta lắng nghe chăm chú là sinh chuyện. Không chuyện này cũng chuyện khác. Anh ta cười hồ hồ, bảo: "Cái làn thì thằng nào mà chẳng thích". Ủi trời! Thằng cha này chẳng biết cái làn là cái gì cả, cho dù tôi đã giải nghĩa cặn kẽ rồi. Tôi lắc đầu ngoạ ngán cho cái đầu óc đen sì của hắn. Chuyện chỉ bằng bạc có vậy, cũng chỉ trong một thoáng chốc, nhưng lạ thay, cái làn theo nghĩa hắc ám của anh bạn kia lại ăn sâu vào tâm trí mà tôi không ngờ. Quả thật, cái làn luôn có đường đi riêng của nó. Nó xâm nhập vào người ta rất tinh tế.

Thế là từ đấy về sau, hễ bực mình bất mãn một sự, một việc gì, tôi cứ vụt miệng: "Cái làn. Cái làn". Vừa đạt chức năng thể hiện bực tức lại vừa văn hóa ra phết. Tất cả những tên cúng cơm cũ như: cái hăm, cái bẽm, cái l. (tên khai sinh chính thức nên sợ phạm húy, phải viết tắt) cái nập nà, cái ốc, cái ngoạ, cái cửa khẩu v.v... đều thua xa về mọi mặt. Ồ, cái làn! Một cái tên mang hình dáng khác hẳn, nghe nhẹ nhàng êm dịu mà lại rất rêu ria truyền thống dân gian.

Nhan đề bài viết: "Cái làn chị xách trên tay" là nhan đề hoàn toàn nghiêm túc, nhưng khi vào bài, nó lại biến thể hồi nào tôi cũng không ngờ. Cứ giống như anh họa sĩ, đặt giá vẽ trước đồng lúa trĩu hạt, mãi mê vẽ một chặp lại thành cánh rừng già hùng vĩ. Nó bệch sang hướng khác mình đâu có ngờ. Đấy, cũng gọi là sáng tạo chút đỉnh chứ? Phải không các bạn?

Nhưng dù sao cũng phải trở lại vấn đề "cái làn chị xách trên tay". Anh bạn cùng tắm biển làn này lại cười hồ hồ hơn trước: "Vui nhỉ! Nó mà xách trên tay, ắt rồi giao thông, ắt gây tai nạn, ắt kênh kênh quạ quạ vùn vùn chặt trời!". Giờ, tôi không chán nản với anh bạn nữa, mà là đồng ý với anh ta. Nếu "cái làn chị xách trên tay" mà nhan nhản, quả thật là hồng ráo. Xã hội sẽ đảo điên trong hưng phấn cho mà coi. Tôi thật sự giật mình. Thế nên, nhan đề "cái làn chị xách trên tay" quả là vô lý, đại phi lý. Không thể xách trên tay được. Làm sao mà xách được? Mà có xách được cũng không cho xách. Không cho xách ra như thế.

Khi thấy rõ sự phi lý, thưa các bạn, tôi phải ngừng ngay... là biện pháp tối ưu.

## Điên điên còn mệt hơn điên

Điên điên không phải điên, mà là điên đến hai lần. Điên đến hai lần hoá ra lại tỉnh, nên trở thành điên điên. Bởi trong điên điên có dư trí tuệ để lý luận tầm bậy, lại có dư hợp lý để gây nguy hại. Thế nên, để trả lời điên điên là gì, tốt nhất hãy nín thinh.

Nặng nề quá nhỉ? Do vậy cần vài ví dụ mang chất thơ giản, để phi trọng lượng đề tài điên điên.

Có một anh chàng đang treo tấm lịch. Anh ta xô ngược chiếc đinh vào lỗ khuy tấm lịch... Và, lấy búa đóng vào tường. Quái! Đóng mãi đinh vẫn không vào tường. Anh ta ngừng búa, chăm chú nhìn đinh, thấy mũi đinh chĩa về phía mình, anh ta suy nghĩ một chặp, bỗng reo lên: "Chà! Gớm nhỉ. Hiện đại thật. Chiếc đinh này, nhà máy chế tạo ra để đóng tường bên kia." Anh ta di chuyển cả đinh và lịch sang tường bên kia, đóng vào một cách dễ dàng. Đóng xong, anh ta ngẩn người, vì lịch đã úp mặt vào tường. Anh ta chăm chú nhìn lịch một chặp, lại reo lên: "Chà! Cũng ghê thật. Hiện đại không kém. Tấm lịch này nhà in sản xuất cho tường hồi nãy." Anh ta bứt lịch ra, di chuyển sang tường hồi nãy: "Ồ, có thể chứ. Đẹp ra phết. Nhưng ta phải đi mua chiếc đinh khác thôi, vì đinh kia đã lún sâu vào tường không gỡ được." Và, anh ta đi mua chiếc đinh khác.

Ừ, anh ta đâu phải điên. Anh ta chỉ mắc lỗi xô ngược chiếc đinh vào lỗ khuy lịch mà thôi. Sai lầm một chút xíu, vậy mà lung tung ra. Anh ta đã đẩy nhà máy đinh cùng nhà in lịch lên tầm cao vượt hiện đại. Và, rõ ràng là anh ta mệt trong cái mớ siêu hiện đại ấy.

Lại chuyện nữa. Có một ông, tay cầm viên phấn kẻ một đường thẳng đét lên nền nhà. Ông ta bảo với các hiền đệ của ông ta rằng: "Đó là sợi dây. Và, treo giải thưởng cho ai chui qua được sợi dây ấy". Các hiền đệ liền lấy xà beng đào nền nhà và chui qua. Họ đã nhận được thưởng như đã hứa.

Đây, ông ta chỉ nhằm đường phấn là sợi dây, trong khi nó chỉ là biểu tượng sợi dây. Chút xíu vậy mà lung tung cả nền nhà gạch bông. Khi mục đích trở thành mục tiêu, hãy cẩn thận.

Lại chuyện nữa, để đủ ba chuyện cho nhẹ thêm vấn đề. Ừ, có một chú đã ngắt xỉu, vì bạn chú ấy đã đóng một chiếc đinh vào đầu. Chờ đi cấp cứu. Không hề gì. Chưa lủng sọ. Bác sỹ hỏi: "Bị ám sát à?" Chú ta trả lời: "Không. Tôi nhờ bạn ấy đóng đinh vào đầu, để tôi hớt tóc cho gãy tông-đơ thẳng cha hàng xóm đáng ghét".

Phải, tông-đơ hớt tóc mà nhai đinh là tiêu ngay, biết đâu lần sau, chú ta đóng đinh vào đầu người khác, để thực hiện ý đồ gãy tông-đơ.

Không phải vì mục đích mà bất chấp biện pháp.

Thêm chút thư giãn nữa không nhỉ? Cũng được, thêm chút nữa cho vui.

Đây, có một ông sắp đám cưới con. Phải tân trang dung mạo một chút chứ ỉ? Thế là ông ta đi hớt tóc cho mới. Hớt xong, ông ta đưa 20 ngàn. Chú hớt tóc lấy tiền và lễ phép: "Thưa ông, không có 5 ngàn hoàn lại. Vậy lần sau hớt cháu trừ nhé?". Ông ta nghe thế liền cau mày: "Khỏi. Cứ hớt thêm 5 ngàn." Chú thợ vâng lời, hớt thêm 5 ngàn. Hớt xong lần hai, ông ta soi gương gặp một ngài hoà thượng. Thế thì làm sao mà đứng chủ hôn và uống rượu đây nhỉ?

Phép tiền trao cháo múc cũng nên coi chừng.

Người ta có thể bắt nhốt, bắt trói một người điên, nhưng không thể bắt nhốt, bắt trói một người điên điên. Bởi vì hắn ta tỉnh. Nhưng cái tỉnh ấy, chúng ta phải coi chừng. Coi chừng quả là rất mệt. Coi chừng thôi, bởi họ thông minh lắm, không dám cười họ. Bởi: "Nếu muốn cười một thằng điên điên, tôi khỏi cần tìm đâu xa, tôi cười tôi là đủ." (Seneque). Vậy ngay cả mình cũng phải coi chừng. Đừng chủ quan. Điên điên còn mệt hơn điên!...

## Con kỳ nhông nhựa



Xóm Rọ Hươu có lão Lú. Nay lão bảy mươi. Lão đen sì, khẳng khiu như que sứt. Lưng, cổ và hông thẳng đét. Trông cứng ngắc. Người ta cứ nghĩ đại, nếu Cọp cắn phải lão, Cọp sẽ gãy răng, còn lão không trầy da đất. Không thấy lão đau bệnh bao giờ. Đau bệnh cũng né lão. Đặc biệt, lão ưa kể chuyện ma. Chuyện ma của lão dứt khoát là ma láo. Có lẽ do sự hiển nhiên ấy, gặp lão người ta vừa sợ vừa vui. Không phải sợ ma mà sợ lão. Không phải vui lão mà vui ma. Thế nên, khi lão kể chuyện ma láo, người ta cứ lăm lét nhìn lão đề phòng. Một sự đề phòng có lý do vô lý: “Nếu lão biến thành ma thật, thì sao?”. Chỉ đề phòng có vậy. Đề phòng, vẫn đề phòng. Nghe vẫn cứ nghe, dù biết đó là láo. Vừa nghe láo vừa đề phòng thật. Ôi, quái quỷ. Cứ lung tung cả lên.

Lão Lú sở hữu đôi mắt moi ruột gan người khác. Lão nhìn chằm vào ai, người đó cuống cuống lên. Người nói láo chuyên nghiệp thường có tướng tinh lăm liệt như thế. Nội lực thâm hậu nói láo thường phát tiết ra đôi mắt. Người xóm Rọ Hươu vẫn bảo đôi mắt lão Lú là đôi mắt ma. Lão Lú còn sở hữu một giọng nói trầm và vang rất mê hoặc. Người xóm Rọ Hươu vẫn bảo đó là giọng ma. Nói tóm lại, lão có thể biến thành ma thật, trong khi lão kể chuyện ma láo. Đo đó, chuyện ma láo lại trở nên thật láo.

Người xóm Rọ Hươu chưa ai thấy ma, nhưng ma thì quen lắm. Ma ở nơi lão Lú vẫn gặp hàng ngày đó thôi.

\*

Tuy xảy đã lâu nhưng tôi còn nhớ mãi. Tôi nhớ vào một đêm trăng, trên sân gạch nhà lão Lú, ngồi lổn nhổn nhiều người, trong đó có tôi nhỏ nhất, háo hức ngồi chầu rìa. Tất cả đều người láng giềng trong xóm Rọ Hươu. Họ đến nghe lão Lú kể chuyện ma láo cho đỡ buồn. Cho vui đi nỗi buồn thường trực hắt hiu luôn ngự trị xóm thôn miền núi. Những đêm trăng như thế thật ấn tượng. Những đêm trăng đã trụ được vào bộ nhớ rất hay quên của tôi cho đến bây giờ.

Lão Lú lúc nào cũng ngồi xếp bằng tròn giữa chiếu, trước mặt có bình trà sứt vôi được lão tra thêm một đoạn ống nhựa. Lão ngồi thẳng đét và sừng sững như tượng đồng đen. Nhóm người đến chơi ngồi lổn nhổn xung quanh. Trên bầu trời mảnh trăng tròn vắng vặc thỉnh thoảng lao vun vút vào những đám mây, gây ra những giây phút tối sầm. Đứng vào những giây phút tối sầm ấy, bao giờ lão Lú cũng cười một tràng dài rất ma quái. Những tràng cười cố ý để uy hiếp tinh thần người nghe. Khi trăng ra khỏi mây, đêm lại sáng tỏ. Lão Lú dứt tiếng cười. Chú Bang mời lão Lú điều thuốc Bastos bằng cả hai tay trịnh trọng:

- Xin tiên bói kể một chuyện ma kinh thiên động địa cho đàn em nghe chơi.

- Kinh thiên động địa à? Lão Lú hài lòng thò tay nhón lấy điều thuốc.

- Dạ. Chúng em thèm cảm giác mạnh. Chú Bang trả lời.

Nghe thế, lão Lú cười không thành tiếng. Hễ có ánh sáng là lão cười không thành tiếng. Trong ánh trăng mờ ảo, nụ cười của lão Lú trở nên kỳ dị. Đó là nụ cười ma. Hai khoé mép lão nhằng ra rộng hoác, rồi bất động như vậy mãi mà không co lại. Lão xoay cái nụ cười rộng hoác bất động ấy một vòng cho mọi người đều thấy. Mục đích cũng để uy hiếp tinh thần xung quanh. Xong, hai mép lão co lại. Nụ cười tắt. Lão chậm rãi nói:

- Thế thì... để tôi hỏi bọn ma xem chúng có chuyện gì ghệt thờ không? Hiện giờ bọn chúng đang ngồi xen kẽ với chúng ta nhiều lắm.

Nghe thế, anh Thoán liền nhìn quanh quất, lật đật nhích sát vào người bác Năm Tô:

- Sao cụ biết ma đang ngồi xen kẽ với chúng ta?

Lão Lú khoát khoát tay, giọng gay gắt:

- Sao lại không biết? Việc ấy đến thằng trẻ nít lên ba cũng biết, chỉ riêng chú là không biết. Ma luôn ở chung với chúng ta nhưng chúng ta đâu có thấy được. Trong sân này, mình chỉ có sáu người ngồi đây nhưng ma có đến mấy chục con cũng ngồi đây. Tôi kể chuyện ma cho các anh nghe, chúng nó cũng nghe. Ma thích nghe chuyện của chúng nó hơn cả chúng ta. Nghe xong, chúng nó lại sợ chúng ta hơn sợ chúng nó.

Anh Thoán e dè hỏi tiếp:

- Nhưng làm sao cụ biết được như vậy?

Lão Lú lại khoát tay, gần từng tiếng:

- Sao không biết? Việc ấy đến thằng trẻ nít lên ba cũng biết. Ví như vừa rồi chú nhích sát vào ông Năm Tô là do ma chen lấn chú đó. Đâu phải chú tự ý nhích vô. Bọn ma cũng tranh nhau ngồi vào để nghe tôi kể nên chúng đã đẩy chú đó.

Anh Thoán nghe vậy, liền áp sát hơn nữa vào người ông Năm Tô. Ông Năm Tô đẩy anh Thoán ra, giọng cần nhần:

- Ngồi xa ra, cứ sấn vào, nực nội thấy mờ. Đây là ma đẩy chú ra, không phải tôi đẩy đâu. Đừng phiền.

Cả nhóm người ngồi trên sân đều cười sặc sặc. Anh Thoán thận trọng dòm quanh, rồi cũng lật đật cười sặc sặc. Lão Lú hớp ngụm trà, e hèm mấy cái, nhip nhip ngón tay vào khoảng không, giọng lạnh băng như nước đá:

- Trong vô vàn loại ma, chỉ có ma Ráp là kỳ lạ bậc nhất. Trong con ma Ráp có đủ thứ ma khác cộng lại. Đó là loại ma tổng hợp. Rất hiện đại và ly kỳ.

- Nhưng ma Ráp là ma gì? Chú Chẽ lật đật hỏi.

Lão Lú đập tay xuống chiếu, gần giọng:

- Đã gọi ma Ráp mà còn hỏi ma gì? Việc ấy đến thằng trẻ nít lên ba cũng biết. Đó là đủ thứ bộ phận để ráp lại thành con ma, cho nên kêu là ma Ráp. Này, các người biết không? Tháng trước, vào một buổi trưa nắng gắt thăm thẳm. Nắng nóng như chảo lửa hắt xuống. Tôi lầm lũi đi trên con đường đất từ Cổ Trạch đến Thạch Bản. Các người biết con đường ấy không? Hai bên toàn là ruộng đã cày vỡ, trời lên nào đất cục là đất cục. Vô số đất cục loá nắng, trông như vô số

đầu lâu há mồm trợn mắt. Đang thất thểu đi, như có linh tính, tôi ngẩng đầu lên. Thật kỳ lạ, trên đầu tôi có một cây gạo cổ thụ, toả bóng mát rượi

Chú Ni e dè hỏi:

- Cây gạo ma à?

Lão Lú lại đập tay xuống chiếu:

- Hồi ngờ ngẩn. Việc này đến thằng trẻ nít lên ba cũng biết. Chỗ đất cày đột nhiên mọc cây gạo cổ thụ thì dứt khoát đó là cây gạo ma. Các người biết không? Tôi biết rõ ràng đó là cây gạo ma, nhưng vì quá nắng nóng nên thấy có bóng mát thì tôi cứ hưởng. Vừa bước ngay vào vùng râm mát, tôi nghe trong người khác hẳn, nghĩa là sáng khoái lạ thường. Chưa bao giờ trong đời tôi có sự sáng khoái cỡ đó. Một sự sáng khoái vô tiền khoáng hậu. Đột ngột, tôi nghe một tiếng rớt bịch phía sau lưng. Tôi quay người ra sau. Đó là một cái đầu của ai đó đã sút ra, đang lăn lóc trên mặt đất. Một cái đầu không tóc, mắt lồi, miệng rộng giập tai vì đang cười, da vàng khè như nghệ. Cái đầu của một bệnh nhân đau gan đang nhăn nhó. ừ, đang nhăn nhó, không phải đang cười. Tiếp đến, tôi lại nghe sau lưng một tiếng rớt bịch nữa. Tôi vội quay lại. Đó là hai cái chân người dài thòng của ai đó đã sút ra, bàn chân còn mang giày Bata trắng. Hai cái chân ấy cứ quay tròn như kim giây đồng hồ. Lúc này, bên trái tôi lại nghe mấy tiếng rớt bịch bịch nữa. Tôi quay sang trái. Đó là hai cánh tay khảnh khiu, đầy lông lá. Hai cánh tay của loài vượn thời tiền sử đã sút khỏi thân thể. Chúng cứ gập lại, duỗi ra liên hồi như đang tập thể dục dưỡng sinh. Tiếp, tôi lại nghe phía sau lưng mình một tiếng rớt bịch rất to. To nhất. Tôi quay phắt ra sau. Đó là một thân người gồm cổ, ngực, bụng và mông. Chả có tay chân, đầu cổ gì cả. Cái ngực lép xẹp, bụng tròn quay như bị Cóc thổi, rồn lại lồi ra như trái mận, phồng lên xẹp xuống.

Ông Bàng vừa ho vài cái và hỏi:

- Lúc ấy cụ không sợ à?

Có tiếng ông Bác gay gắt trả lời thay thế:

- Đã lão thì sợ cái nỗi gì mà hỏi với han? Rõ vớ vẩn.

- Tôi mà lão à? Lão Lú đập mạnh tay xuống chiếu. - Con ma Ráp này chỉ một mình tôi gặp. Lúc ấy tôi không sợ. - Giọng lão Lú tiếp tục chắc nịch. Tôi không sợ. Lúc ấy tôi bỗng nổi giận đùng đùng. Nguyên một con ma chưa làm tôi sợ, huống chi từng bộ phận rời của con ma. Tôi nổi điên, vung chân đá lung tung. Nhưng càng đá, từng bộ phận ấy càng sấn lại. Sợ chúng đáp vào người, tôi bèn phóng lên cây gạo. Và, lập tức cây gạo nhòem gốc bay tuốt

Chú Thạch buột miệng:

- úi trời! Tại sao nó nhòem gốc bay tuốt?

- Hồi vớ vẩn. Việc ấy đến thằng trẻ nít lên ba cũng biết. - Lão Lú rót nước trà uống một ngụm, nói tiếp. Vì chó đái dơ dáy vào gốc nên nó nhòem gốc bay tuốt. Hiểu chưa? Cây gạo nhòem gốc cách mặt đất khoảng ba mét và cứ lơ lửng tại chỗ. Không bay lên mặt trăng được vì trên ấy đã có cây đa rồi. Ngồi từ cháng ba của nhánh cây gạo, tôi nhìn xuống các bộ phận của con ma Ráp đang quay cuồng. Hai cái chân chạy đến để dính vào cái thân. Hai tay cũng lao tới ráp vào cái thân. Và, cuối cùng cái đầu cũng lăn tới dính vào. Chỉ trong một phút, các bộ phận rời đã ráp lại thành một con ma Ráp hoàn chỉnh. Nó ngược cổ nhìn tôi. Các người biết không? Tôi không nhìn cười được. Con ma Ráp này chẳng giống con ma nào cả. Một loại ma tổng hợp tào lao. Nó van xin: "Xin ông hãy trả cây gạo lại cho tôi. Tôi lạy ông. Tôi lạy ngài".

Anh Thuận lật đật hỏi:

- Con ma Ráp không bay lên cây gạo được à?

- Rõ ràng là nó không bay lên cây gạo được. Nếu bay lên được, nó van xin tôi chi? Hả? Việc ấy đến thằng trẻ nít lên ba cũng biết. Thế mà cũng hỏi. - Lão Lú kể tiếp, giọng khẳng định - Con ma Ráp đã mất cây gạo, còn tôi lại mất mặt đất. Các thế mạnh của mỗi bên đều mất hết. Hừ, tôi ở trong xứ ma, còn nó ở trong xứ người. Lúc này, tôi dòm kỹ cây gạo tôi đang ngồi. Đó là một cây gạo cổ thụ, tán lá che kín cả mặt trời.

- Rồi sao nữa? Bác Sỹ hỏi.

Lão Lú giọng sang sảng:

- Rồi sao nữa à? Cả đến thằng trẻ nít lên ba cũng biết. Lúc ấy, trên cây gạo có một con kỳ nhông bò lại gần tôi. Con kỳ nhông trông hãi lắm. Nó to bằng bắp tay, dựng đứng hàng chông nơi sống lưng trông rất hiên ngang, xù vảy xanh lè, trợn mắt đỏ ngầu như máu ứa. Nó kêu ré lên mấy tiếng chát chúa. Và lập tức cả bầy kỳ nhông quân sĩ xuất hiện tràn ngập cây gạo. Nhìn chỗ nào trên cây gạo cũng kỳ nhông là kỳ nhông. Tất cả đồng loạt tiến lừng lừng vào tôi. Lúc ấy, các người biết không?...

Ông Năm Tô lập tức gắt gỏng:

- Đến thằng trẻ nít lên ba cũng biết! Hỏi chi vớ vẩn?

Lão Lú cười:

- Xin lỗi! Thế là hết đường. Tôi phải phóng ra khỏi cây gạo và rơi xuống đất. Đường ai nấy đi. Chỗ ai nấy ở. Ma về thế giới ma. Người về thế giới người. Nhưng lúc ấy, đã có một con kỳ nhông chui vào túi quần tôi mà tôi không hay. Không còn cây gạo, nên tôi phải nuôi nó cho đến bây giờ. Lão Lú ngừng một chập, thò tay vào túi quần, lôi con kỳ nhông ra, đặt giữa chiếu và con kỳ nhông cục cựa. Lão hốt hoảng la lớn - Đứng chun vào quần áo người khác

Đúng lúc ấy, mặt trăng chạy vào đám mây, không gian bỗng tối sầm. Nhóm người ngồi trên sân bỏ chạy tán loạn. Họ chạy vì sợ con kỳ nhông chun vào người. Lão Lú cười sặc sặc, âm thanh chát chúa như tiếng kim loại va chạm, nghe đến ghê người. Tôi cũng thất thần. Ba chân bốn cẳng chạy biến

\*

Mãi sau này, tôi mới biết đó là con kỳ nhông nhựa như cái nhan đề truyện ngắn này.

Nay, lão Lú đã chết rồi nhưng con kỳ nhông ấy vẫn sống trong kỷ niệm hoảng sợ của chúng tôi.